

NGÔ NGỌC THẮNG

BIÊN SOAN

NHẠC LÝ CĂN BẢN



THỰC HÀNH

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

NGÔ NGỌC THẮNG
BIÊN SOẠN

NHẠC LÝ
CĂN BẢN
THỰC HÀNH

Tái bản lần 6

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC

LỜI MỞ ĐẦU.

NHẠC LÝ CĂN BẢN là môn học nền tảng để bước vào lĩnh vực âm nhạc.

NHÀ XUẤT BẢN ÂM NHẠC xin giới thiệu tài liệu về lý thuyết âm nhạc này, nhằm góp phần phát triển và nâng cao các chương trình học tập âm nhạc hiện nay như *THẠNH NHẠC*(ca hát) *NHẠC CỤ*(Piano, Violon, Organ, Guitar, Mandoline...)

Nội dung được trình bày từng bài học ngắn, gọn, súc tích phù hợp với môi trường học. Phần lý thuyết đơn giản, dễ hiểu, thực tế, kèm theo các bài tập nhằm trắc nghiệm trình độ tiếp thu của học viên.

Hy vọng *NHẠC LÝ CĂN BẢN THỰC HÀNH* là người đồng hành, cùng các bạn bước vào con đường âm nhạc với sự thành công mỹ mãn.

NXB. ÂM NHẠC.

1998

DẪN NHẬP

KHÁI NIỆM VỀ ÂM NHẠC

Âm nhạc là nghệ thuật phối hợp các âm thanh.

Giống như ngôn ngữ, âm nhạc có thể truyền đạt được những cảm xúc như : vui hay buồn, ưu tư hay phấn khởi, sầu náo hay hân hoan.

Âm nhạc được phát triển ra nhiều hình thức :

1. Nhạc cho dàn : Là các tác phẩm dành cho nhạc cụ : Piano, Violon, Organ, Guitar, Mandolin, Sáo, Đàn, các loại kèn ...

2. Nhạc hát : Nhạc kết hợp với lời ca : Đơn ca, hợp ca, đồng ca, hợp xướng, ca kịch ...

Âm nhạc cũng như các trào lưu nghệ thuật khác, luôn luôn ở trạng thái chuyển động và phát triển theo thời gian. Tuy nhiên, dù ở bất cứ thời điểm nào âm nhạc cũng đã làm tròn sứ mạng của mình đối với con người là tô điểm và làm phong phú thêm cuộc sống tinh thần.

Và có thể nói được rằng, trên thế giới này, không có một ai lại không biết đến một điều :

ĐÓ LÀ ÂM NHẠC.

Bài 1

ÂM THANH

Thơ văn dùng đến ngôn từ. Hội họa dùng màu sắc. Điêu khắc dùng các chất liệu. Âm nhạc dùng đến những âm thanh.

Khác với tiếng động (Mưa, gió, tiếng máy nổ, tiếng vỗ tay ...) âm thanh dùng trong âm nhạc phải có những điều kiện sau đây :

- 1. Cao độ :** Âm thanh có thể thay đổi từ thấp đến cao.
- 2. Cường độ :** Âm thanh phát ra khi mạnh (lớn) khi nhẹ (nhỏ).
- 3. Trường độ :** Âm thanh có sự khác biệt về thời gian, khi lâu (dài) khi mau (ngắn).
- 4. Âm sắc :** Những âm thanh dã hội dù 3 yếu tố trên (cao độ, cường độ và trường độ) sẽ có khác biệt về âm sắc.

Thí dụ : Tiếng đàn Tranh hay đàn Bầu gợi lên một nỗi u buồn, ai oán khác với tiếng kèn Trompette thật hùng vĩ và sang sảng - Sự khác nhau đó là âm sắc.

BÀI 2

TÊN NỐT NHẠC

Trong âm nhạc, người ta dùng 7 âm thanh có tên và thứ tự như sau :

DÔ, RÊ, MI, FA, SOL, LA, SI

7 âm thanh đó, chúng ta gọi là 7 tên nốt nhạc.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Đọc thuộc lòng tên các nốt nhạc, theo từng bài tập dưới đây :

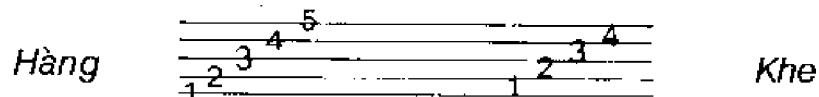
Dô Rê Mi Fa Sol La Si Dô - Dô Si La Sol Fa Mi Rê Dô
 Rê Mi Fa Sol La Si Dô Rê - Rê Dô Si La Sol Fa Mi Rê
 Mi Fa Sol La Si Dô Rê Mi - Mi Rê Dô Si La Sol Fa Mi
 Fa Sol La Si Dô Rê Mi Fa - Fa Mi Rê Dô Si La Sol Fa
 Sol La Si Dô Rê Mi Fa Sol - Sol Fa Mi Rê Dô Si La Sol
 La Si Dô Rê Mi Fa Sol La - La Sol Fa Mi Rê Dô Si La
 Si Dô Rê Mi Fa Sol La Si - Si La Sol Fa Mi Rê Dô Si
 Dô Rê Mi Fa Sol La Si Dô. - Dô Si La Sol Fa Mi Rê Dô.

BÀI 3

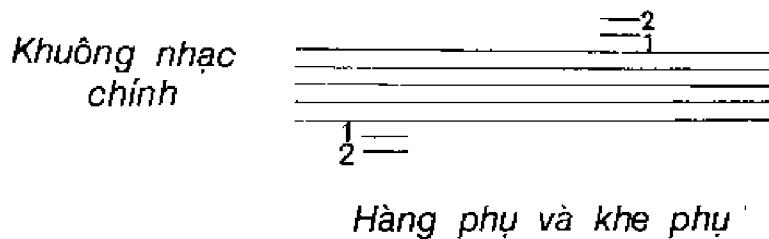
KHUÔNG NHẠC VÀ KHÓA NHẠC

1. Khuông nhạc :

Gồm 5 hàng và 4 khe nằm ngang, song song, cách đều nhau:



Có những nốt nhạc cao hơn, hoặc thấp hơn các nốt nhạc trong khuông nhạc chính, nên người ta thêm vào khuông nhạc chính bằng những hàng phụ và khe phụ.



Thứ tự hàng và khe của khuông nhạc chính, từ dưới dếm lên.

Thứ tự của hàng phụ và khe phụ, từ trong khuông nhạc chính dếm ra.

2. Khóa nhạc :

Khóa nhạc là ký hiệu xác định tên nốt nhạc ghi trên khuông nhạc. Khóa nhạc ghi ở đầu mỗi khuông nhạc.

Có 2 loại khóa nhạc thường dùng: **Khóa Sol** và **Khóa Fa**.

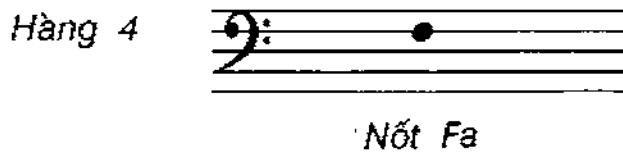
a. Khóa Sol



Nhận xét :

- * Khóa Sol nằm trên hàng thứ 2 của khung nhạc.
- * Nốt nhạc nào nằm trên hàng thứ 2, có tên là nốt Sol.
- * Khóa Sol dùng để ghi những âm thanh cao : Giọng nữ, các loại đàn : Violon, Guitar, Mando, Sáo, phần đàn tay phải của Piano, Organ, Accordeon.

b. Khóa Fa



Nhận xét :

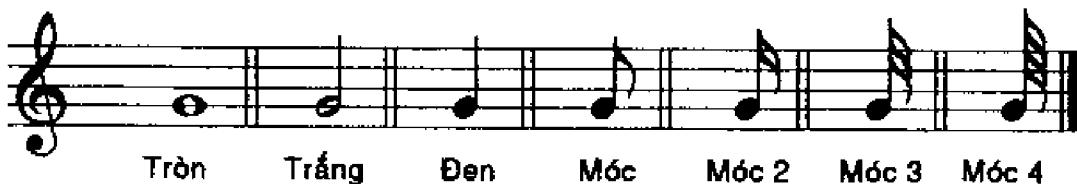
- * Khóa Fa nằm trên hàng thứ 4 của khung nhạc.
- * Nốt nhạc nào nằm trên hàng thứ 4, gọi là nốt Fa.
- * Khóa Fa dùng để ghi những âm thanh thấp, trầm: giọng Nam, các loại đàn : violoncelle, contrebasse, phần đàn tay trái của Piano, Organ, Accordeon...

Bài 4

HÌNH DÁNG VÀ GIÁ TRỊ NỐT NHẠC

1. Hình dáng nốt nhạc :

Có 7 loại hình nốt để chỉ trường độ của nốt nhạc



2. Giá trị nốt nhạc :

Theo thứ tự : Nốt Tròn, Trắng, Đen, Móc đôi, Móc ba, Móc tư, thì hình nốt trước sẽ gấp đôi giá trị hình nốt sau.

		Nốt tròn bằng 2 nốt trắng
		Nốt trắng bằng 2 nốt đen.
		Nốt đen bằng 2 nốt móc.
		Nốt móc bằng 2 nốt móc đôi.
		Nốt móc đôi bằng 2 nốt móc ba.
		Nốt móc ba bằng 2 nốt móc tư.

Ghi chú :

- * Khi 2 hay nhiều nốt móc đúng kế cận nhau, người ta nối chúng lại bằng gạch ngang:



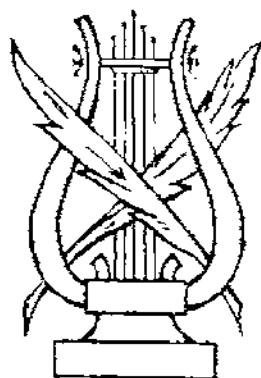
- * Về cách ghi các hình nốt trên khung nhạc :

* Từ nòng thứ 3 trở lên, đuôi nốt nhạc quay xuống

* Các nốt dưới hàng thứ 3, đuôi quay lên.

Thí dụ :

A musical staff with a treble clef and four measures of music. Below the staff, the text "Đuôi quay xuống" is positioned under the first measure, and "Đuôi quay lên" is positioned under the second measure.



BÀI 5

CUNG VÀ NỬA CUNG

Trong 7 tên nốt, khoảng cách cao độ của chúng không đồng đều nhau, có khoảng cách 1 cung. Có khoảng cách ngắn hơn gọi là **Nửa cung**.

Các khoảng cách cao độ được ấn định như sau :



Khoảng cách cao độ của : Đô-Rê, Rê-Mi, Fa-Sol, Sol-La, La-Si là **1 cung**.

Khoảng cách cao độ của : Mi-Fa và Si-Đô là **Nửa cung**.

Ghi chú :

- * Mỗi cung có thể chia làm 2 nửa cung.
- * Mỗi cung có thể chia làm 10 phần nhỏ, mỗi phần đó gọi là **Comma**. Comma là cao độ nhỏ nhất mà tai nghe có thể phân biệt được.

Ghi chú :

Do ảnh hưởng của dấu Hóa, nên có các loại nửa cung như sau :

- Nửa cung Dị** : Tên gọi nửa cung của 2 nốt khác tên nhau :

Thí dụ :



- Nửa cung Đồng** : Tên gọi nửa cung của 2 nốt cùng tên nhưng chênh lệch với nhau vì dấu hóa :

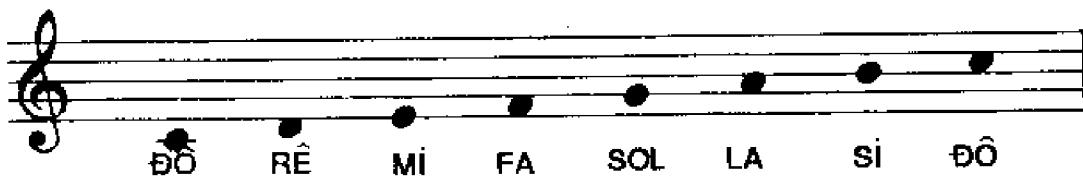
Thí dụ



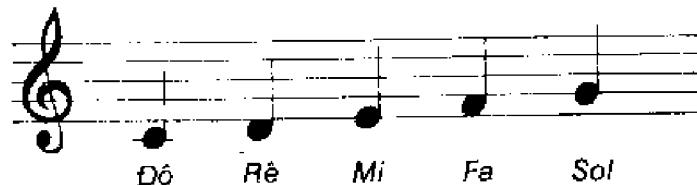
BÀI 6

**VỊ TRÍ NỐT NHẠC TRÊN KHUÔNG NHẠC
KHÓA SOL**

Theo thứ tự 7 tên nốt (Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si) Vị trí các nốt trên khuôn nhạc khóa Sol như sau :

**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

- Đọc thuộc vị trí các nốt nhạc nhóm 1 trên khuôn nhạc, theo 3 giai đoạn sau đây :



- * Vừa nhìn nốt nhạc, vừa nhìn chữ ghi tên nốt ở phía dưới.

- * Che phần chữ ghi tên nốt phía dưới, chỉ nhìn hình nốt trên khung nhạc đọc sao cho đúng tên nốt.
- * Đọc xuôi, đọc ngược và đọc cách quảng, không theo thứ tự.

(Thí dụ : *Dô-Fa, Rê-Sol, Fa-Rê ...*)

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Dùng viết chì ghi tên nốt vào các bài tập dưới đây. Sau khi ghi xong, bạn có thể dùng gôm xóa và ghi lại với thời gian nhanh hơn trước.

1

Dô

.....

2

.....

.....

18

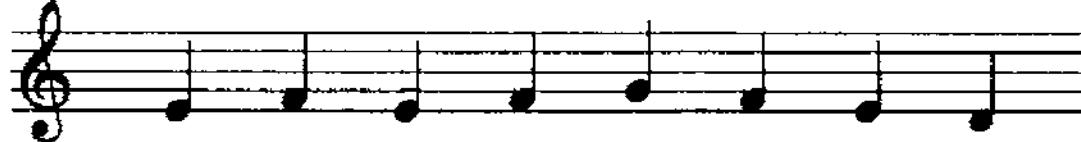
3



Re



4



Mi



5



Fa

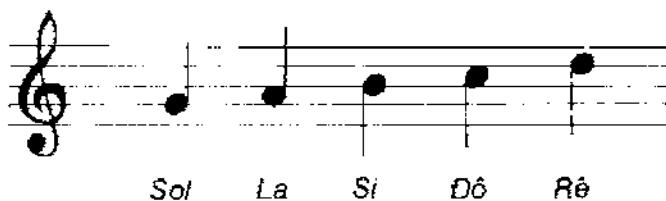




Sol



2. Đọc thuộc vị trí các nốt nhạc nhóm 2, tuân tự theo 3 giai đoạn như câu 1.



BÀI TẬP GHI TÊN NỐT



Sol



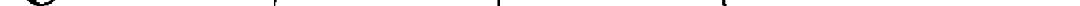
20

2



Sol

3

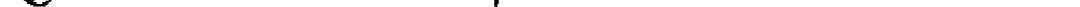


3

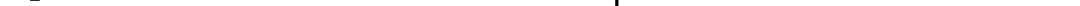


La

4

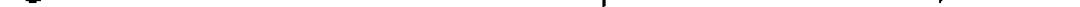


4



Si

5



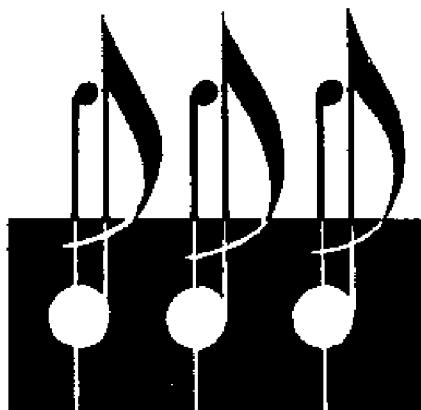
5



D6



6



22

3. Đọc thuộc vị trí các nốt nhóm 3, cũng theo 3 giai đoạn, như câu 1 và câu 2.



BÀI TẬP GHI TÊN NỐT



Dó



Rê



3



Mi

4



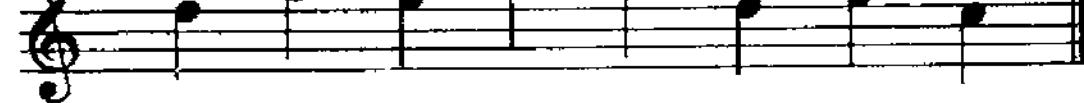
Fa

5

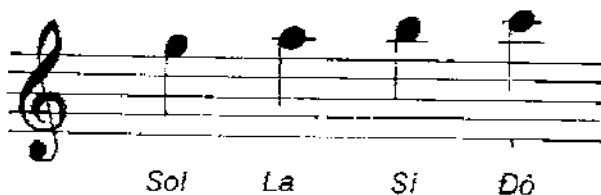


Sol

6



4. Đọc thuộc vị trí các nốt nhóm 4.



BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

1

Sol

La

20

3



Si

4



D6

5



BÀI 7

NHỊP - PHÁCH

1. NHỊP :

Một bài nhạc được chia ra nhiều khoảng cách có trường độ bằng nhau gọi là **Nhịp**. Nhịp được giới hạn bằng 2 vạch nhịp.

- * Khoảng cách giữa 2 vạch nhịp gọi là **ô nhịp** hay **Trường canh**.
- * Khi kết thúc 1 đoạn nhạc, thay đổi khóa nhạc, thay đổi nhịp, người ta dùng 2 vạch nhịp, gọi là **vạch kép**.
- * Chấm dứt bài nhạc, người ta dùng **vạch kép kết thúc**, gồm 1 vạch bình thường và 1 vạch đậm hơn.

Thí dụ :



2. PHÁCH :

Mỗi nhịp được phân chia ra thành những đơn vị gọi là

Phách. Phách là đơn vị thời gian tính được trong mỗi ô nhịp.

Số lượng phách có trong mỗi ô nhịp, tùy thuộc vào số chỉ nhịp mà chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài 8.

BÀI 8

SỐ CHỈ NHỊP

Số chỉ nhịp được biểu thị bằng 1 phân số.

Số chỉ nhịp ghi ở đầu bản nhạc, sau khóa Sol và chỉ ghi 1 lần.

Số chỉ nhịp cho ta biết, bản nhạc này ở nhịp mấy ? Có nghĩa là : mỗi ô nhịp có mấy phách, mỗi phách có giá trị bằng hình nốt nào.

Cách đọc số chỉ nhịp :

Viết	Đọc
$\frac{2}{2}$	Nhịp Hai - hai
$\frac{2}{4}$	Nhịp Hai - bốn
$\frac{6}{8}$	Nhịp Sáu - tám

A. MỘT VÀI LOẠI SỐ CHỈ NHỊP THÔNG DỤNG

1. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Trăng :

Nhịp $\frac{2}{2}$ viết tắt C (xê ché)

2. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Đen :

Nhịp $\frac{2}{4}, \frac{3}{4}, \frac{4}{4}$ (viết tắt C)

3. Số chỉ nhịp có đơn vị phách là nốt Mộc đơn :

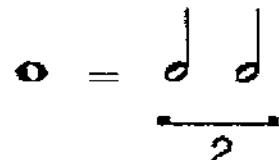
Nhịp $\frac{3}{8}, \frac{6}{8} \dots$

B. Ý NGHĨA SỐ CHỈ NHỊP

1. **Tử số** : Chỉ số lượng phách trong mỗi ô nhịp.

2. **Mẫu số** : Chỉ tính chất của phách :

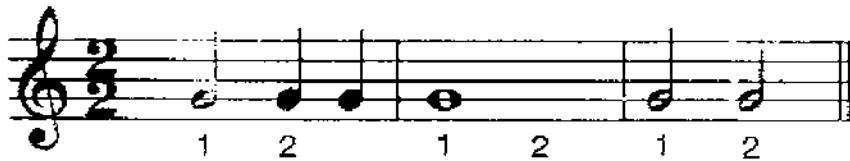
NHỊP $\frac{2}{2}$ (C)



- * Nốt tròn bằng 2 nốt Trăng
- * Số 2 cho biết : Nốt Trăng là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 2.

Thí dụ :

29



- * Mỗi ô nhịp 2 phách (Tử số)
- * Mỗi phách là 1 nốt Trắng (Mẫu số)

NHỊP $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{4}{4}$ (C)



- * Nốt Tròn bằng 4 nốt đen.
- * Số 4 cho biết : Nốt Đen là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 4.

Thí dụ :



- * Mỗi ô nhịp có 2 phách (Tử số)
- * Mỗi phách là 1 nốt Đen (Mẫu số)

NHỊP $\frac{3}{8}$, $\frac{6}{8}$



- * Mỗi nốt Tròn bằng 8 nốt móc
- * Số 8 cho biết : Nốt móc là đơn vị phách của các loại nhịp có mẫu số là 8

Thí dụ :



- * Mỗi ô nhịp có 3 phách
- * Mỗi phách là 1 nốt Móc đơn

Tóm lại :

Nhịp $\frac{2}{2}$ mỗi phách là 1 nốt Trắng

Nhịp $\frac{2}{4}$, $\frac{3}{4}$, $\frac{4}{4}$ mỗi phách là 1 nốt Đen

Nhịp $\frac{3}{8}$, $\frac{6}{8}$ mỗi phách là 1 nốt Móc đơn

BÀI TẬP THỰC HÀNH

Các bài tập dưới đây theo phương pháp trắc nghiệm. Trong 3 câu trả lời a, b, c, bạn chọn câu trả lời đúng nhất, dùng bút chì khoanh tròn mấu tự (a, b, hay c) có câu giải đáp đúng nhất.

1. Điền vào hình nốt nào cho đầy đủ số phách, trong ô nhịp dưới đây :



- a.
- b.
- c.

2. Ô nhịp này thiếu mấy phách ?



- a. 2 phách $\frac{1}{2}$
- b. 3 phách $\frac{1}{2}$
- c. 4 phách $\frac{1}{2}$

3. Cho biết số chỉ nhịp của ô nhịp dưới đây :

a/ $\frac{2}{4}$

b/ $\frac{3}{8}$

c/ $\frac{6}{8}$



4. Ký hiệu viết tắt của nhịp $\frac{4}{4}$ (Bốn - bốn) :

a. A

b. B

c. C

5. Ký hiệu viết tắt của nhịp $\frac{2}{2}$ (Hai-Hai) :

a. B

b. C

c. C

6. Đơn vị phách của nhịp $\frac{2}{4}$ (Hai-bốn) là :

a. Nốt Đen ()

b. Nốt Trắng ()

c. Nốt Móc ()

7. Đơn vị phách của nhịp $\frac{4}{4}$ (xê chè) :

- b. Nốt đen ()
- b. Nốt trắng ()
- c. Nốt Móc ()

8. Đơn vị phách của nhịp $\frac{6}{8}$ (sáu-tám) là :

- a. Nốt Đen ()
- b. Nốt Trắng ()
- c. Nốt Móc ()

9. Ở nhịp $\frac{4}{4}$ (Bốn-bốn), 2 phách bằng.

- a. 2 nốt Móc ()
- b. 2 nốt Đen ()
- c. 2 Nốt Trắng ()

10. Ở nhịp $\frac{6}{8}$ (Sáu-tám) 4 nốt móc bằng :

- a. 4 phách
- b. 2 phách
- c. 8 phách

11. Ở nhịp $\frac{2}{2}$ (Hai-hai), 2 nốt đen bằng :

- a. 4 phách
- b. 2 phách
- c. 1 phách

12. Ở nhịp $\frac{4}{4}$ (xê chè), 2 phách bằng :

- a. Nốt tròn ()
- b. Nốt trắng ()
- c. Nốt Đen ()

13. Ở nhịp $\frac{6}{8}$, 6 phách bằng :

- a. 6 nốt Móc
- b. 6 nốt Đen
- c. 6 nốt Trắng

14. Cho biết vạch kép kết thúc bản nhạc :

- a.
- b.
- c.

15. Khoảng cách giữa 2 vạch nhịp gọi là:

- a. Ô nhịp.
- b. Vạch nhịp.
- c. Ô chữ.

16. Số chỉ nhịp được ghi ở :

- a. Đầu khuôn nhạc thứ 1, trước khóa nhạc.
- b. Đầu khuôn nhạc thứ 1, sau khóa nhạc
- c. Đầu mỗi khuôn nhạc, sau khóa nhạc.

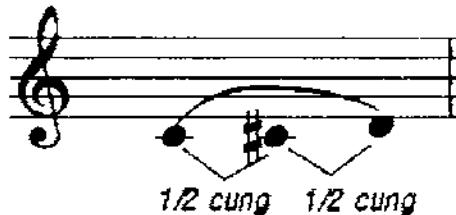
Bài 9**DẤU HÓA**

Dấu hóa là ký hiệu cho biết sẽ làm thay đổi cao độ của nốt nhạc với khoảng cách là **nửa cung**.

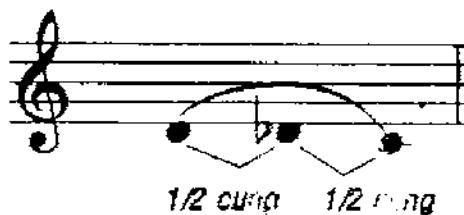
Dấu hóa có thể chia 1 cung thành 2 nửa cung.

Có 3 loại dấu hóa thường dùng :

1. **Dấu Thăng** (\sharp) nâng cao độ nốt nhạc lên nửa cung.



2. **Dấu Giáng** (\flat) Giảm cao độ nốt nhạc xuống nửa cung



3. **Dấu Bình** (\natural) Hủy bỏ ảnh hưởng của dấu Thăng hay Giáng, trả cao độ nốt nhạc về vị trí bình thường



*Nốt Đô Bình
(hết ảnh hưởng của dấu Thăng)*



*Nốt Ré Bình
(hết ảnh hưởng của dấu Giáng)*

Ghi chú :

Ngoài ra còn có 2 loại dấu hóa kép :

1. **Dấu Thăng kép** (X hay ♯) Nâng cao độ nốt nhạc lên 1 cung.
- 2 **Dấu Giáng Kép** (bb) Giảm cao độ nốt nhạc xuống 1 cung.

ẢNH HƯỞNG CỦA DẤU HÓA

Tùy theo vị trí, dấu hóa có tác dụng và tên gọi như sau :

A. DẤU HÓA THEO KHÓA : viết ở đầu mỗi khuông nhạc, sau khóá nhạc. Dấu Hóa này ảnh hưởng đến tất cả các nốt nhạc nào mang tên dấu Hóa đó.

Thí dụ :



Dấu Hóa theo khóa trên dây mang tên là **Fa thăng**, có nghĩa là tất cả các nốt **Fa** trong bài này đều là **Fa♯**.

Ghi chú : Chỉ có 2 loại Dấu Hóa : Dấu Thăng và Dấu Giáng được sử dụng làm Dấu Hóa theo khóa.

B. DẤU HÓA BẤT THƯỜNG : Không có vị trí cố định, thỉnh thoảng xuất hiện trong bản nhạc.

Dấu Hóa bất thường đặt ngay trước nốt nhạc và chỉ ảnh hưởng trong 1 ô nhịp.

Thí dụ :



Dấu hóa Si Giáng (bất thường), đặt trước nốt Si, có nghĩa là chỉ có nốt Si đó và nốt Si sau đó trong cùng 1 ô nhịp, bị giáng xuống $\frac{1}{2}$ cung mà thôi.

Các nốt Si khác ngoài ô nhịp, nếu không có ghi dấu Giáng, sẽ không bị ảnh hưởng gì.

Ghi chú : Tất cả 5 loại Dấu Hóa kể trên đều được dùng làm Dấu Hóa bất thường.

BÀI TẬP THỰC HÀNH

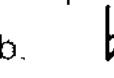
1. Dấu Thăng (♯) tăng cao độ nốt nhạc lên :

- a. Nửa cung
- b. Một cung
- c. Hai cung

2. Dấu Giáng (♭) dùng để :

- a. Giảm cao độ xuống 1 cung
- b. Giảm cao độ xuống $\frac{1}{2}$ cung
- c. Tăng cao độ lên $\frac{1}{2}$ cung.

3. Cách viết dấu Bình :

- a. 
- b. 
- c. 

4. Dấu Bình () hủy bỏ ảnh hưởng của :

- a. Dấu nhạc
- b. Dấu Thăng và dấu Giáng
- c. Dấu Hóa và dấu Bình.

5. Dấu Hóa bất thường đặt ở :

- a. Trước nốt nhạc
- b. Trước khoảng nhạc
- c. Sau nốt nhạc.

6. Các loại dấu Hóa được dùng làm dấu Hóa bất thường.

- a. Dấu Thăng và dấu Giáng
- b. Dấu Thăng, dấu Giáng, dấu Bình
- c. Dấu Thăng, dấu Hóa, dấu Bình.

7. Dấu Bình () dùng để :

- a. Nâng cao nốt nhạc lên $\frac{1}{2}$ cung
- b. Giảm nốt nhạc xuống $\frac{1}{2}$ cung
- c. Trả lại cao độ bình thường.

Đề bài cho câu 8, 9, 10, 11



8. Cho biết số lượng nốt nhạc bị ảnh hưởng của dấu Hóa bất thường

- a. 3 nốt
- b. 4 nốt
- c. 5 nốt

9. Cho biết tên dấu Hóa theo khóa của dòng nhạc này :

- a. Dấu Fa Thăng
- b. Dấu Fa Giáng
- c. Dấu Fa Bình.

10. Cho biết số lượng nốt nhạc bị ảnh hưởng của dấu Hóa theo khóa

- a. 3 nốt
- b. 4 nốt
- c. 5 nốt.

11. Các dấu Hóa được sử dụng vào dòng nhạc này :

- a. Dấu Thăng và dấu Giáng
- b. Dấu Thăng và dấu Bình
- c. Dấu Hóa và dấu Bình.

Đề bài cho các câu 12, 13, 14, 15



12. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 1.

- a. Fa Thăng và Đô Thăng
- b. Sol Thăng và Rê Thăng
- c. Mi Thăng và Rê Thăng.

13. Cho biết tên dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 2.

- a. Si Thăng
- b. Si Giáng
- c. Si Bình

14. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 3.

- a. Fa Giáng, Đô Giáng, Sol Giáng
- b. Fa Thăng, Đô Thăng, Sol Thăng
- c. Fa Bình, Đô Bình, Sol Bình.

15. Cho biết tên các dấu Hóa theo khóa ở ô nhịp 4.

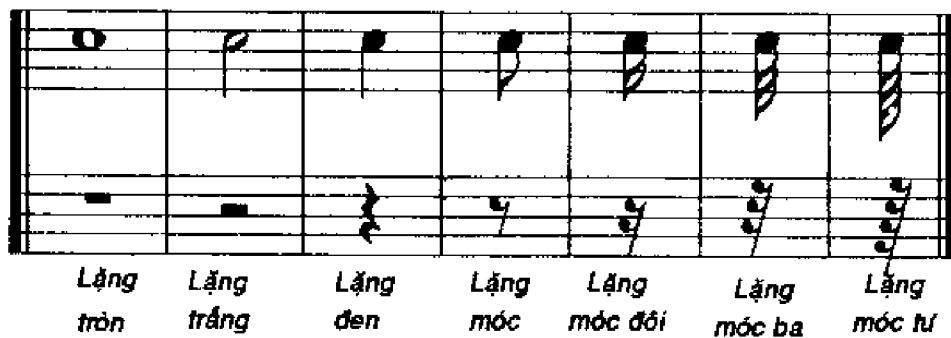
- a. Si Giáng, Rê Giáng, La Giáng
- b. Si Giáng, Mi Giáng, La Giáng
- c. Si Giáng, Mi Giáng, Sol Giáng.

BÀI 10

DẤU LẶNG

Dấu Lặng là ký hiệu cho biết tạm thời ngừng đàn hay hát trong 1 thời gian nào đó.

Tương ứng với 7 hình nốt, hình dáng của 7 dấu Lặng như sau :



Ghi chú :

* Giống như 7 nốt nhạc, theo thứ tự nêu trên, dấu Lặng trước, có giá trị thời gian gấp đôi dấu Lặng sau.

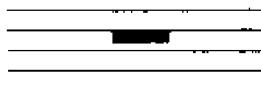
Thí dụ :

Lặng tròn = 2 Lặng trắng

Lặng trắng = 2 Lặng đen...

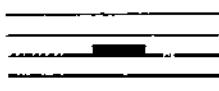
* Dấu Lặng tròn, nằm dưới hàng thứ 4.

Hàng 4

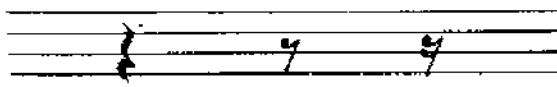


* Dấu Lặng trắng, nằm trên hàng thứ 3.

Hàng 3



Các dấu Lặng còn lại, nằm ở giữa khung nhạc.



Tuy nhiên, khi trên 1 khung nhạc có nhiều bè, ta có thể thay đổi vị trí đó.

Thí dụ :



Ghi chú :

* Nếu nghỉ trọn 1 ô nhịp ta chỉ cần đặt dấu Lặng tròn là đủ cho tất cả mọi loại nhịp.

Thí dụ :

1.

Lặng tròn
nghỉ trọn 1 ô nhịp $\frac{2}{4}$

2.

Lặng tròn
nghỉ trọn 1 ô nhịp $\frac{3}{4}$

BÀI TẬP THỰC HÀNH

43

1. Ở nhịp $\frac{4}{4}$, dấu Lặng Tròn dùng để :

- a. Nghỉ 4 phách hoặc nghỉ trọn 1 ô nhịp.
- b. Ngân dài 4 phách.
- c. Nghỉ 4 phách.

2. Ở nhịp $\frac{2}{4}$, dấu Lặng Trắng dùng để :

- a. Ngừng đàn hoặc hát
- b. Nghỉ 2 phách
- c. Kéo dài 2 phách.

3. Dấu Lặng dùng để :

- a. Nghỉ 4 phách
- b. Ngừng đàn hoặc hát trong 1 thời gian nào đó
- c. Nghỉ trọn 1 ô nhịp.

4. Cách viết dấu Lặng Móc.

- a. 
- b. 
- c. 

5. Cách viết dấu Lặng Đen.

- a. 
- b. 
- c. 

6. Hai dấu Lặng Móc liên tiếp (VV) có giá trị bằng :

- a. 
- b. 
- c. 

7. Một dấu Lặng Trắng (—) có giá trị bằng :

- a. 
- b. 
- c. 

8. Dấu Lặng Móc () dùng để :

- a. Nghỉ $\frac{1}{2}$ phách
- b. Kéo dài nốt nhạc thêm $\frac{1}{2}$.
- c. Nghỉ trọn 1 ô nhịp.

9. Để nghỉ 1 phách, người ta dùng dấu Lặng:

- a. 
- b. 
- c. 

Bài 11

**DẤU NỐI – DẤU CHẨM ĐÔI
DẤU CHẨM NGÂN**

Dấu Nối, dấu Chấm Đôi và dấu Chấm Ngân dùng để tăng thêm trường độ của nốt nhạc.

1. Dấu Nối : ( hay )

Hình vong cung nhỏ, nối 2 hay nhiều nốt nhạc **cùng cao độ**, nằm liền tiếp nhau.



Nốt La, ngân dài 3 phách



Nốt Đô, ngân dài 5 phách



Nốt Mi, ngân dài $\frac{1}{2}$ phách

Chú ý : Dấu nối không dùng cho dâu Làng.

2. Dấu Chấm Đôi (+)

Một dấu chấm gọi là Chấm Đôi, chấm ngay sau nốt nhạc hay dấu Lặng sẽ tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ của nốt nhạc hay dấu Lặng đó.

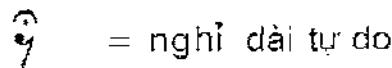
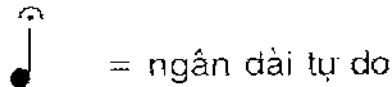
Thí dụ :



3. Dấu Chấm Ngân (⌂ hoặc ⌃)

Còn gọi là dấu Chấm Lưu, hình bán nguyệt, có dấu chấm ở giữa.

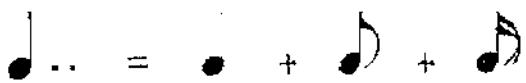
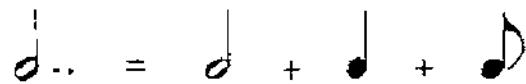
Dấu Chấm Ngân đặt ở trên (⌂) hay dưới (⌃) 1 nốt nhạc, thì trường độ nốt đó được kéo dài tự do.



Ghi chú :

Dấu Chấm Đôi kép : Nếu có 2 dấu chấm, chấm thứ 1 tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ nốt nhạc. Còn dấu chấm thứ 2 tăng thêm $\frac{1}{2}$ trường độ của dấu chấm thứ 1.

Thí dụ :



Bài 12

DẤU HỒI TẤU

Dấu Hồi Tấu hướng dẫn cho biết phải lặp lại 1 đoạn nhạc nào đó.

1. Dấu Tái đoạn



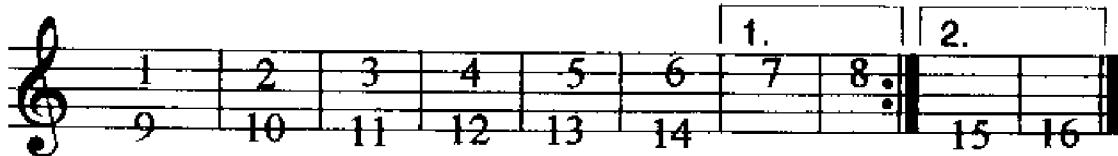
* Khi muốn diễn lại phần đầu của bản nhạc :



* Khi muốn diễn lại phần giữa hay phần cuối, ta ghi 2 lần :



* Khi muốn thay đổi một vài ô nhịp trong lần lặp lại thứ 2.



2. Dấu Hoàn

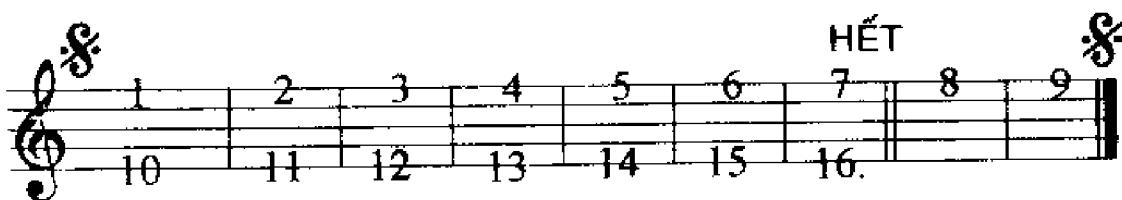


Khi có thêm yêu cầu phải diễn lại 1 phần hoặc toàn bài, ta dùng thêm dấu Hoàn



Dấu Hoàn  được ghi 2 lần :

Khi gặp dấu Hoàn  thứ 2, trở lại từ chỗ có ghi dấu Hoàn  thứ 1 diễn lại và tiếp tục cho đến chỗ có ghi chữ HẾT. Nếu không có chữ HẾT, có nghĩa là diễn cho đến cuối bài.



Ngoài ra có thể dùng DA CAPO (viết tắt D.C) để thay thế cho dấu Hoàn



3. Dấu Coda

Lần trở lại sau cùng, có yêu cầu bỏ bớt 1 đoạn nhạc giữa bài, ta dùng thêm dấu CODA 



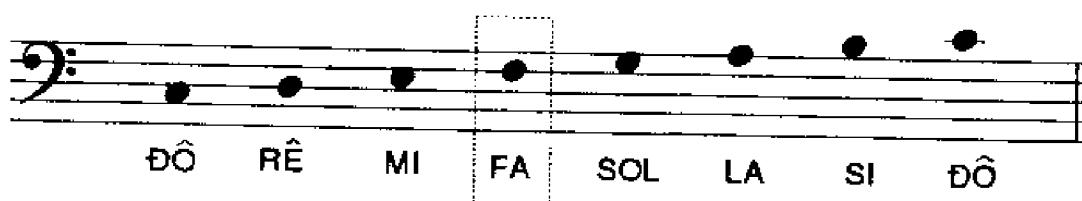
BÀI 13

VỊ TRÍ NỐT NHẠC TRÊN KHUÔNG NHẠC KHÓA FA

Khóa Sol dùng cho giọng hát và nhạc cụ có âm vực cao.

Khóa Fa dùng cho giọng hát và nhạc cụ có âm vực trầm.

Theo thứ tự 7 tên nốt, các nốt trên khuôn nhạc khóa Fa có vị trí như sau :



Khóa Fa nằm trên hàng thứ 4.

Nốt nhạc nằm trên hàng thứ 4 là nốt Fa.

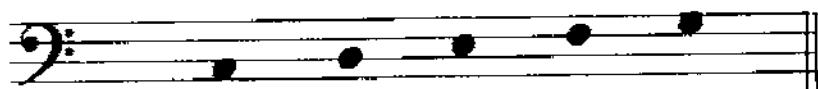
PHƯƠNG PHÁP ĐỌC TÊN NỐT KHÓA FA

Chia ra làm 2 nhóm nốt.

Mỗi nhóm nốt, tuân tự học theo 3 giai đoạn giống như các bài tập trên khuôn nhạc khóa Sol (trang 16)

BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Nhóm 1



ĐÔ RÊ MÌ FA SOL

1



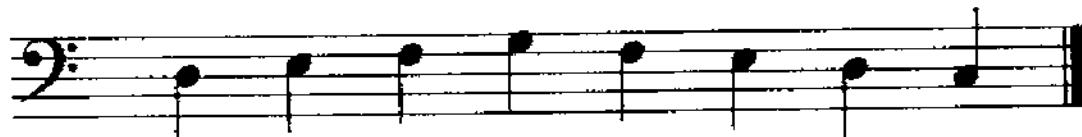
Đô



2

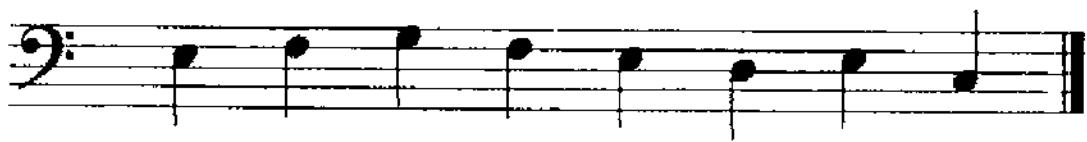


RÊ





Mi



4



Fa



5

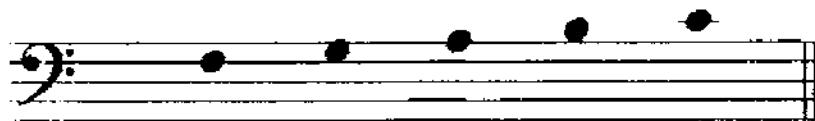


Sol



BÀI TẬP GHI TÊN NỐT

Nhóm 2

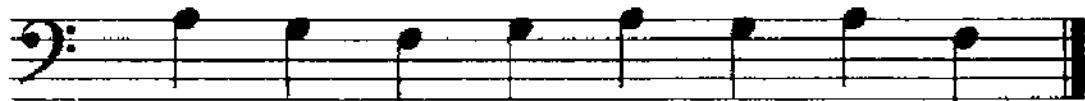


FA SOL LA SI DÔ

1



Fa



2

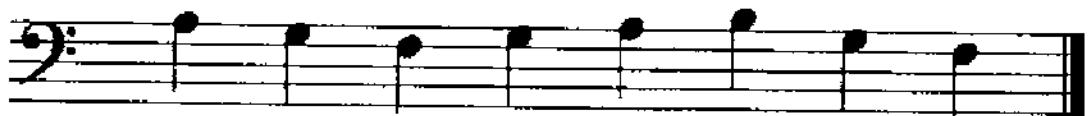


Sol





La



.....



Si



.....



Đô



.....

Bài 14

NHỮNG NHÓM NỐT BẤT THƯỜNG

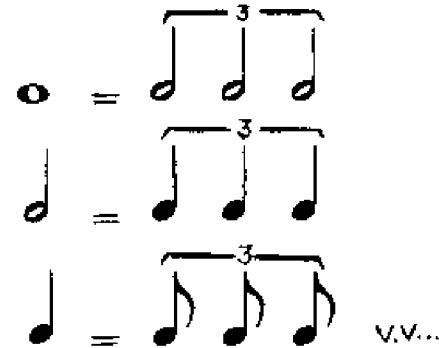
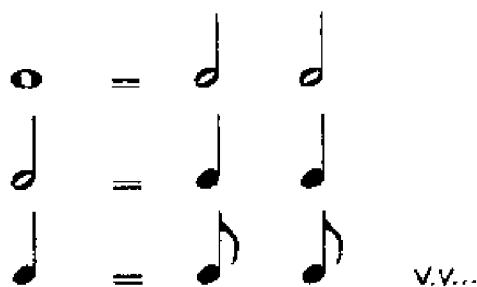
Để thêm phần phong phú và đa dạng, trong âm nhạc còn có những nhóm nốt bất thường.

1. LIÊN BA VÀ LIÊN SÁU

A. LIÊN BA : Là cách phân chia hình nốt nhạc ra làm 3 phần, thay vì chia 2 như trước đây.

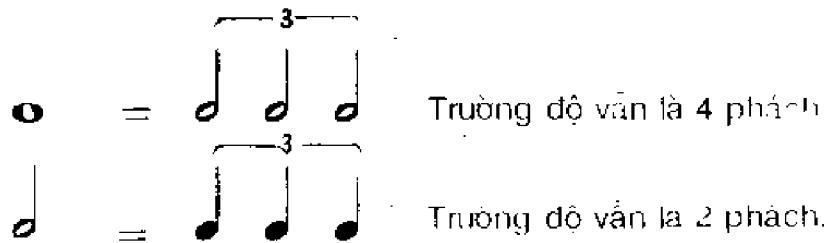
Liên Ba

Trước đây :



Tuy chia 3, nhưng trường độ hình nốt vẫn không thay đổi.

Thí dụ :

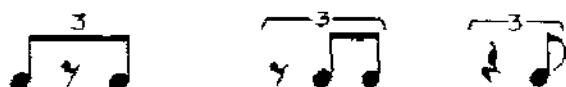


Trong diễn xuất, bất kỳ 1 Liên Ba nào, cũng có nhiều hình thức thể hiện khác nhau, nhưng giá trị tổng cộng vẫn không thay đổi.

Thí dụ :



Trong Liên Ba, cũng có dấu Lặng



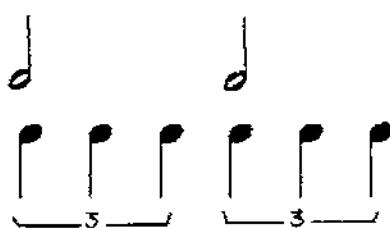
B. LIÊN SÁU : Là cách phân chia nốt nhạc ra làm 6 phần, thay vì 4 phần như trước đây

Liên Sáu

Trước đây :

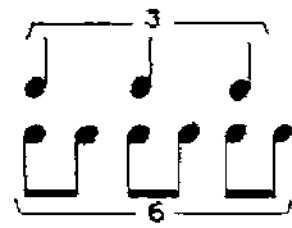


Ghi chú : Cần phân biệt giữa 2 Liên Ba và Liên Sáu



2 Liên Ba

Khác với



Liên Sáu

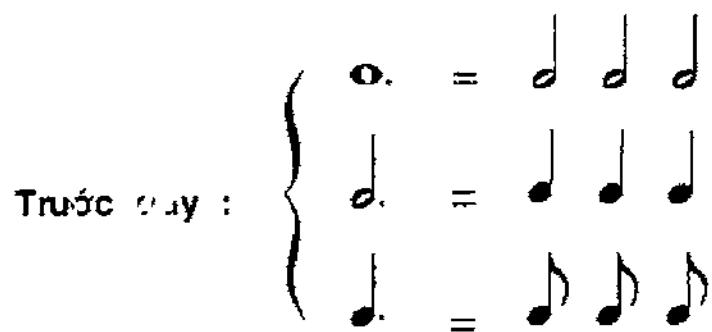
* Trong Liên Ba đôi (2 Liên Ba) có 2 nhóm 3 nốt – Nhấn nốt thứ 1 và nốt thứ 4.

* Trong Liên Sáu, có 3 nhóm 2 nốt-Nhấn các nốt thứ 1, 3, 5.

2. LIÊN HAI và LIÊN BỐN

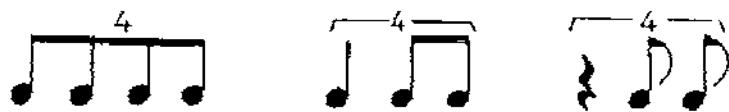
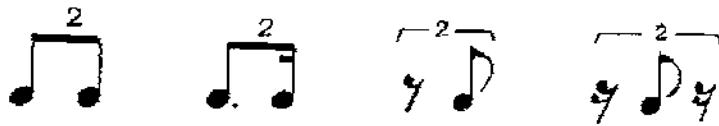
Ngược lại với Liên Ba và Liên Sáu, liên Hai và Liên Bốn và sự chia 2 hay chia 4 một **hình nốt có chấm**.

Hình nốt có chấm :



Liên Hai	Liên Bốn
$\bullet = \overline{\text{---}}^2$	$\bullet = \overline{\text{---}}^4$
$\bar{ } = \overline{\text{---}}^2$	$\bar{ } = \overline{\text{---}}^4$
$\bar{\cdot} = \overline{\text{---}}^2$	$\bar{\cdot} = \overline{\text{---}}^4$

Trong diễn xuất, Liên Hai và Liên Bốn cũng có nhiều hình thức khác nhau, kể cả sự có mặt của các dấu Lặng.



Ghi chú :

Còn có những nhóm nốt bất thường khác như : 5, 7, 9, 11 nốt, lúc đó sự diễn xuất tương ứng với các nhóm 4, 6, 8, 10.

Thí dụ :



Bài 15

ÂM GIAI (Gam)

7 âm thanh liên tiếp nhau theo thứ tự . Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si thành 1 âm giai nếu ta thêm vào đó 1 âm thanh thứ 8. Âm thanh thứ 8 này chỉ lặp lại tên của âm thanh thứ nhất, nhưng nó cao hơn 1 quãng 8.

Đô, Rê, Mi, Fa, Sol, La, Si Đô
I II III IV V VI VII VIII

Có 2 loại Âm giai :

1. ÂM GIAI TRƯỞNG :

Một âm giai được gọi là **Âm giai Trưởng**, sẽ có các khoảng cách cao độ như sau :

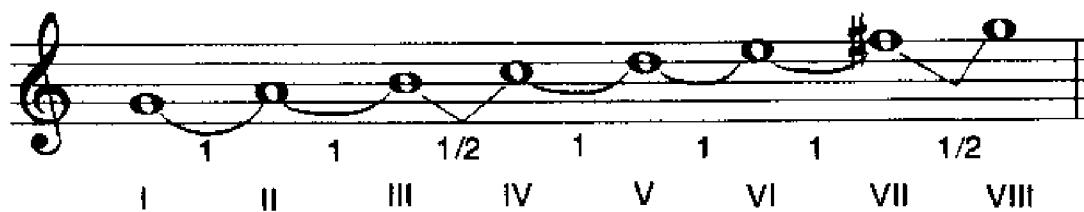
$$1c - 1c - \frac{1}{2}c - 1c - 1c - 1c - \frac{1}{2}c$$

Thí dụ 1

Nhận xét :

- * 8 âm thanh liên tiếp đã đủ điều kiện khoảng cách về cao độ, để trở thành Âm giai Trưởng.
- * Nốt đầu tiên của 8 âm thanh này là tên của Âm giai Trưởng : Âm giai Đô Trưởng
- * Mỗi âm thanh được gọi là Bậc, đánh số theo thứ tự La mã, từ thấp lên cao.

Thí dụ 2



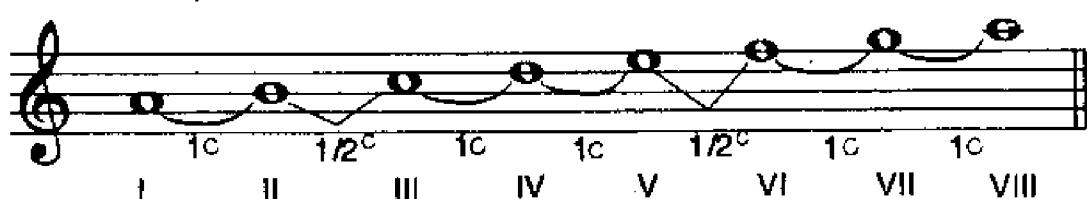
Nhận xét :

- * 8 âm thanh liên tiếp trên được gọi là Âm giai Sol Trưởng, khi có nốt Fa (bậc VII) tăng lên nửa cung.

2. ÂM GIAI THỨ :

Một âm giai, được gọi là Âm giai Thứ, sẽ có các khoảng cách cao độ như sau :

$$\text{Thí dụ: } 1c \cdot \frac{1}{2}c \cdot 1c \cdot 1c \cdot \frac{1}{2}c \cdot 1c \cdot 1c$$



Nhận xét :

- * 8 âm thanh liên tiếp trên, đã đủ điều kiện khoảng cách về cao độ để trở thành Âm Giai Thứ
- * Nốt đầu tiên của Âm giai này được chọn là tên của Âm giai Thứ : **Âm Giai La Thứ**

Ghi chú quan trọng về âm giai thứ

Để tạo cảm giác thu hút, mềm mại, nhẹ nhàng, trong các âm giai Thứ, tất cả các nốt thứ 7 (bậc VII) đều tăng lên nửa cung.

Thí dụ :

Âm giai LA thứ :

Nốt SOL tăng lên 1/2 cung ↗

Âm giai RÊ thứ :

Nốt ĐÔ tăng lên 1/2 cung ↗

TÊN VÀ Ý NGHĨA CÁC BẬC TRONG ÂM GIAI

Mỗi âm thanh đều có thể được dùng để đặt tên cho một 1 âm giai.

Để khỏi lầm lẫn, mỗi bậc trong âm giai đều có thể mang 1 tên riêng để xác định vị trí và vai trò của nó trong âm giai.

CÁC BẬC TRONG ÂM GIAI

BẬC	TÊN GỌI	Ý NGHĨA
Bậc I	CHỦ ÂM	Nốt quan trọng nhất trong âm giai. Tên của nó được dùng để đặt tên cho âm giai.
Bậc II	THƯỢNG CHỦ ÂM	Cao hơn chủ âm một bậc nên gọi là "Thượng" - ít quan trọng, có khuynh hướng bị hút về chủ âm (Bậc I).
Bậc III	TRUNG ÂM	Nốt Trung gian giữa 2 âm quan trọng nhất là : Chủ âm (Bậc I) và Át âm (Bậc V).

Bậc IV	HẠ ÁT ÂM	Dưới Át âm, nên gọi là "Hạ". Có khuynh hướng bị hút về bậc III. Tuy nhiên, khi bậc này được tăng lên nửa cung, nó sẽ biến thành cảm âm của át âm.
Bậc V	ÁT ÂM	Nốt quan trọng thứ 2, sau chủ âm, có tính chất áp đảo, thống trị các âm khác. Nó có sức mạnh lôi cuốn và làm cho ta chú ý đến sự hiện diện của nó.
Bậc VI	THƯỢNG ÁT ÂM	Nằm trên Át âm một bậc.
Bậc VII	CẢM ÂM	Vì tính chất nhạy cảm. Cảm âm có khuynh hướng bị hút về Chủ âm.

Ghi chú :

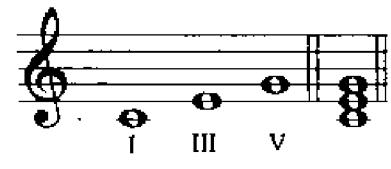
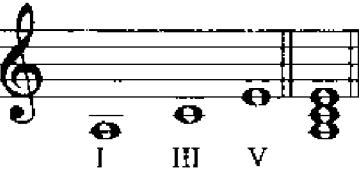
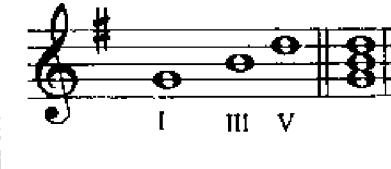
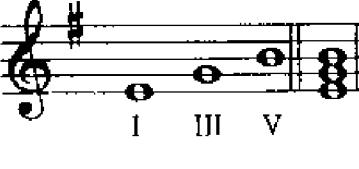
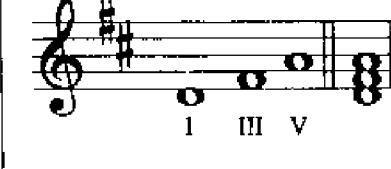
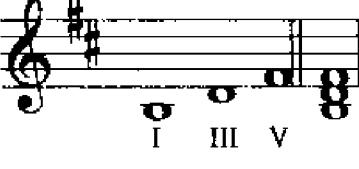
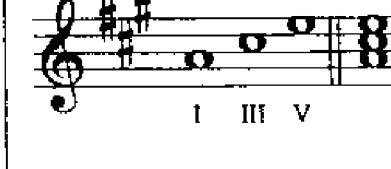
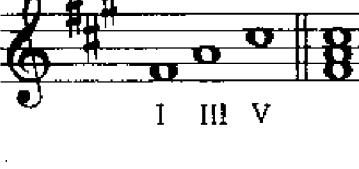
Trong 7 bậc của âm giai, 3 bậc sau đây quan trọng nhất và là 3 nốt chính của âm giai

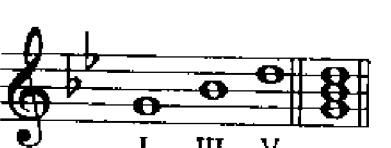
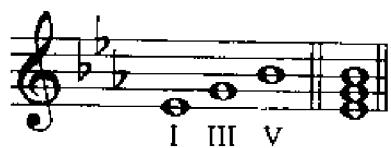
Bậc I - CHỦ ÂM

Bậc III - TRUNG ÂM

Bậc V - ÁT ÂM

CÁC NỐT CHÍNH TRONG ÂM GIAI

ÂM GIAI TRƯỞNG		ÂM GIAI THỨ	
C		Am	
G		Em	
D		Bm	
A		F#m	

ÂM GIAI TRƯỞNG		ÂM GIAI THÚ	
E		C#m	
F		Dm	
Bb		Gm	
Eb		Cm	

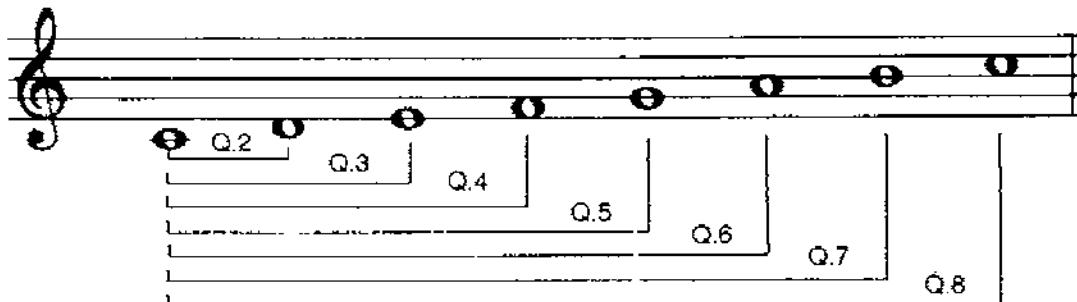
Bài 16

QUĂNG

1. TÊN GỌI

Khoảng cách cao độ giữa 2 nốt nhạc gọi là **Quãng**.

Thí dụ :



Đô - Rê : Quãng 2 (Đô - Rê)

Đô - Mi : Quãng 3 (Đô - Rê - Mi)

Đô - Fa : Quãng 4 (Đô - Rê - Mi - Fa)

Đô - Sol : Quãng 5 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol)

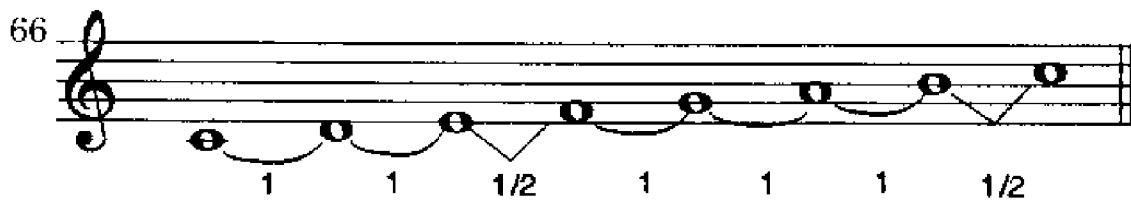
Đô - La : Quãng 6 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La)

Đô - Si : Quãng 7 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La - Si)

Đô - Đô : Quãng 8 (Đô - Rê - Mi - Fa - Sol - La - Si - Đô)

2. TÍNH CHẤT

Căn cứ trên khoảng cách cao độ giữa các nốt nhạc, tính chất và cấu tạo của các Quãng như sau :



Quãng 2 Trưởng : Có khoảng cách 1 cung (Đô-Rê, Rê-Mi, Fa-Sol, Sol-La, La-Si)

Quãng 2 Thứ : Có khoảng cách 1/2 cung (Mi-Fa, Si-Đô)

Quãng 3 Trưởng : Có khoảng cách 2 cung (Đô-Mi, Fa-La, Sol-Si)

Quãng 3 Thứ : Có khoảng cách 1 cung và 1 nửa cung Đิ (Rê-Fa, Mi-Sol, La-Đô)

Quãng 4 Đúng : Có khoảng cách 2 cung và 1 nửa cung Đิ (Đô-Fa, Rê-Sol, Mi-La, Sol-Đô)

Quãng 5 Đúng : Có khoảng cách 3 cung và 1 nửa cung Đิ (Đô-Sol, Rê-La, Mi-Si, Fa-Đô)

Quãng 6 Trưởng : Có khoảng cách 4 cung và 1 nửa cung Đิ (Đô-La, Rê-Si)

Quãng 6 Thứ : Có khoảng cách 3 cung và 2 nửa cung Đi (Mi - Đô)

Quãng 7 trưởng : Có khoảng cách 5 cung và 1 nửa cung Đi (Đô - Si)

Quãng 7 Thứ : Có khoảng cách 4 cung và 2 nửa cung Đi (Rê - Đô)

Quãng 8 Đúng : Có khoảng cách 5 cung và 2 nửa cung Đi (Đô - Đô)

Bài 17

HỢP ÂM

Những âm thanh cùng phát ra 1 lượt từ các Quãng 3 (Trưởng hoặc thứ) chồng chất lên nhau, gọi là **Hợp âm**

Thí dụ :

HÀ ĐÔ HÀ MI HÀ SOL

Nhận xét :

- * Nốt nhạc thấp nhất của các Quãng 3 liên tiếp chồng lên nhau được chọn làm tên của Hợp âm.
- * Mỗi Hợp âm có ít nhất là 3 nốt và 3 nốt đó phải khác tên nhau.
- * Các nốt trong Hợp âm đều thuộc về 1 Âm giai.
- * Tùy theo số nốt cấu tạo thành hợp âm, ta có tên gọi : Hợp âm 3 nốt, Hợp âm 4 nốt, Hợp âm 5 nốt.

CÁC LOẠI HỢP ÂM

Căn cứ theo tính chất cấu tạo, ta có **Hợp âm Thuận** và **Hợp âm Nghịch**

1. HỢP ÂM THUẬN :

Khi nghe cho ta cảm giác hài hòa, êm thắm, thuận tai, ổn định và mãn nguyện

Có 2 loại Hợp âm Thuận.

a. Hợp âm Trưởng :

Gồm 2 Quãng 3 chồng lên nhau : Quãng 3 Trưởng phía dưới, Quãng 3 Thứ phía trên

Thí dụ :



Hợp âm Đô trưởng

b. Hợp âm Thứ : Ngược lại, Quãng 3 Thứ phía dưới, Quãng 3 Trưởng phía trên.

Thí dụ :



Hợp âm Đô Thứ

Ghi chú :

* Các Hợp âm Thuận chỉ có 3 nốt.

* Cách đọc Hợp âm : Từ phía dưới đọc lên

Đọc : Đô-Mi-Sol

Fa-La-Đô

Sol-Si-Rê

2. HỢP ÂM NGHỊCH :

Khi nghe cho ta cảm giác bất ổn, chói tai, gay gắt, đòi hỏi 1 cách giải quyết khác ổn định hơn.

Các loại Hợp âm nghịch

Hợp âm 5 tăng	(5 ⁺)
Hợp âm 5 giảm	(5 ⁻)
Hợp âm 6	(6)
Hợp âm 6 thứ	(6m)
Hợp âm 7	(7)
Hợp âm 7 trưởng	(7M)
Hợp âm 7 thứ	(7m)
Hợp âm 7 giảm	(7 dim)...

Thí dụ : Hợp âm **Đô** dùng trong thể **Nghịch**

A musical staff in G major (one sharp) with a treble clef. It shows six chords: G5+ (G major 5th), G5- (G major 5th with a flat), G6 (G major 6th), Gm6 (G minor 6th), G7 (G major 7th), and G7M (G major 7th with a major 7th). The chords are represented by three-note chords on the staff.

Trên đây chỉ là những khái niệm sơ đẳng về hợp âm, chúng ta sẽ tìm hiểu kỹ lưỡng và sâu sắc hơn trong các chương trình **Nhạc Lý Nâng cao**, tiếp theo tập sách này và cùng một tác giả.

Bài 18

CHỮ VIẾT TẮT CỦA HỢP ÂM

Người ta dùng 7 mẫu tự để thay thế cho 7 tên nốt và 7 tên hợp âm như sau :

A	B	C	D	E	F	G
La	Si	Đô	Rê	Mi	Fa	Sol

Tùy theo tính chất của hợp âm, ngoài ta thêm vào các ký hiệu như sau :

1. HỢP ÂM TRƯỞNG : Để nguyên các mẫu tự

A =	Hợp âm La Trưởng
B =	Hợp âm Si Trưởng
C =	Hợp âm Đô Trưởng
D =	Hợp âm Rê Trưởng
E =	Hợp âm Mi Trưởng
F =	Hợp âm Fa trưởng
G =	Hợp âm Sol trưởng

2. HỢP ÂM THỨ : Thêm chữ "m" sau các mẫu tự

Am =	Hợp âm La Thứ
Bm =	Hợp âm Si Thứ
Cm =	Hợp âm Đô Thứ
Dm =	Hợp âm Rê Thứ

Em = Hợp âm Mi Thứ

Fm = Hợp âm Fa Thứ

Gm = Hợp âm Sol Thứ

3. HỢP ÂM BẢY : Thêm số "7" sau các mẫu tự

A7 = Hợp âm La Bảy

B7 = Hợp âm Si Bảy

C7 = Hợp âm Đô Bảy

D7 = Hợp âm Rê Bảy

E7 = Hợp âm Mi Bảy

F7 = Hợp âm Fa Bảy

G7 = Hợp âm Sol Bảy

4. HỢP ÂM BẢY THỨ : Gồm Hợp âm thứ thêm số "7" sau mẫu tự

Am7 = Hợp âm La Thứ Bảy

Bm7 = Hợp âm Si Thứ Bảy

Cm7 = Hợp âm Đô Thứ Bảy

Dm7 = Hợp âm Rê Thứ Bảy

Em7 = Hợp âm Mi Thứ Bảy

Fm7 = Hợp âm Fa Thứ Bảy

Gm7 = Hợp âm Sol Thứ Bảy



BÀI TẬP THỰC HÀNH

1. Viết tắt tên của các Hợp âm dưới đây :

Dô trưởng	La trưởng
Dô thứ	La thứ
Dô bảy	La bảy
Dô thứ bảy	La thứ bảy
Rê trưởng	Si trưởng
Rê thứ	Si thứ
Rê bảy	Si bảy
Rê thứ bảy	Si thứ bảy
Mi trưởng	La thứ
Mi thứ	Sol trưởng
Mi bảy	Mi bảy
Mi thứ bảy	Rê thứ
Fa trưởng	Mi thứ
Fa thứ	Si bảy
Fa bảy	Si thứ bảy
Fa thứ bảy	Fa trưởng
Sol trưởng	Sol bảy
Sol thứ	Dô trưởng
Sol bảy	La thứ
Sol thứ bảy	Sol trưởng

2. Viết ra đầy đủ tên Hợp âm từ các chữ viết tắt sau đây:

Ghi Chú : Các dấu hóa sẽ viết liền sau mẫu tự nếu có hợp âm Thăng hoặc Giáng.

Thí dụ : F[#]m = Fa Thăng Thứ ; E^b = Mi Giáng Trưởng

F [#] m	D
E	Gm
C7	Bm
G7	Am
C	Gm7
Am	E ^b
E7	Cm
B7	E7
Em	F7
A	B ^b
B	A7
Cm	C7
C7	G7
Dm	C [#]
G7	Gm
Dm7	Bm
G	Dm
Em7	D7
F	B ^b
Fm	C

Bài 19

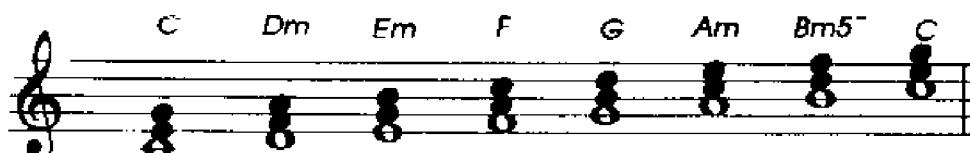
ÂM THỂ

Âm thể còn gọi là Cung hay Ton (Tông).

Một âm giai có thể tạo thành nhiều Hợp âm.

Âm thể là tên gọi của một Hợp âm nằm trong Âm giai đó, nhưng Hợp âm này sẽ giữ một vị trí quan trọng hơn tất cả Hợp âm khác và là đại diện cụ thể cho Âm giai đó.

Thí dụ : Các nốt trong Âm giai Đô trưởng được
tạo thành Hợp âm



Thí dụ trên cho ta nhận xét : Đô trưởng vừa là Hợp âm (thành viên của Âm giai) vừa là Âm thể (đại diện cho âm giai)

Giống như mối tương quan trong gia đình Cha - Mẹ - Con.

Người cha (Hợp âm Đô Trưởng) vừa là 1 thành viên trong gia đình, vừa là chủ hộ (Âm thể Đô trưởng) đại diện cho gia đình đối với xã hội.

Chúng ta hãy nhận xét và phân tích bài Silent Night sau đây, thuộc về Âm thể Đô trưởng.

Silent Night

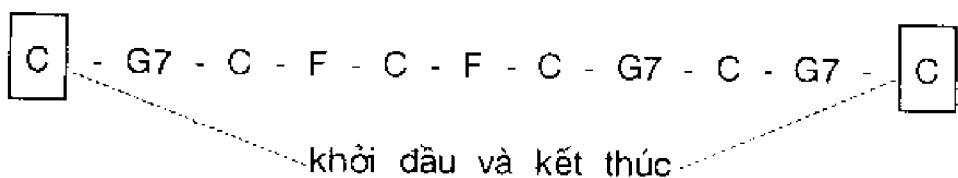
WALTZ

F. GRUBER

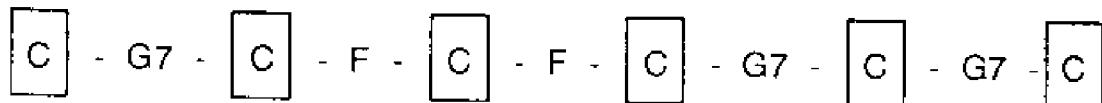
The musical score for "Silent Night" is presented in five staves. The first staff begins with a C chord. The second staff begins with a G7 chord. The third staff begins with an F chord. The fourth staff begins with a C chord. The fifth staff begins with a G7 chord. The music concludes with a final C chord. The score is in G clef, 3/4 time, and is identified as a Waltz by F. Gruber.

Để được là **Âm thể Đô trưởng**, hợp âm Đô trưởng sẽ đảm nhận những nhiệm vụ sau đây :

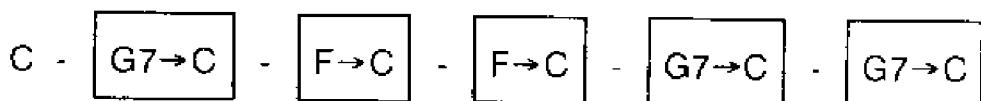
1. Khởi đầu và kết thúc (có luật trừ)



2. Xuất hiện nhiều lần :



3. Có sức thu hút các hợp âm khác về mình



Trong diễn xuất, nhờ có các **Dấu hóa theo khóa** (còn gọi là **Dấu hóa Thành lập**) sẽ xác nhận cho ta biết bản nhạc thuộc Âm Thể nào.

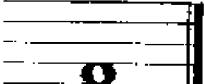
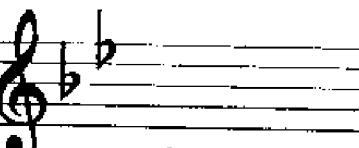
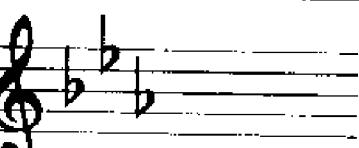
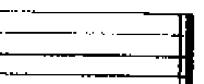
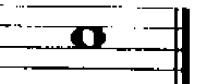
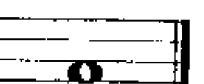
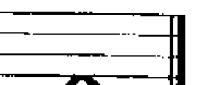
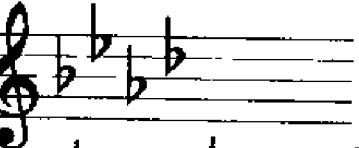
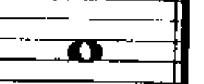
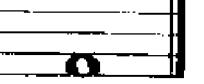


BẢNG HƯỚNG DẪN HÓA BIỂU

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THỂ
		C
Bộ khoá không có Dấu Hoá		Am
		G
Fa#		Em
		D
Fa# Dô#		Bm
		A
Fa# Dô# Sol#		F#m

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THẾ ²
 Fa# Sol# Dô# Rê#		E
 Fa# Dô# Sol# Rê# La#		C#m
 Fa# Dô# Sol# Rê# La# Mi#		B
 Fa# Dô# Sol# Rê# La# Mi# Si#		G#m
		F#
		D#m
		C#
		A#m

BẢNG HƯỚNG DẪN HÓA BIỂU 

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THẾ
 Si♭		F
 Si♭ Mi♭		Dm
 Si♭ Mi♭ La♭		B♭
		Gm
		E♭
		Cm
 Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭		A♭
		Fm

HÓA BIỂU	NỐT KẾT THÚC	ÂM THẾ
 La♭ Si♭ Mi♭ Sol♭		D♭
 Si♭ Mi♭ La♭ Rê♭ Sol♭ Đô		B♭ m
 Si♭ Mi♭ La♭ Sol♭ Đô Rê♭		G♭
		E♭ m
		C♭
		A♭ m



Bài 20

PHÁCH MẠNH - PHÁCH NHẸ VÀ NHỊP LẤY ĐÀ

1. PHÁCH MẠNH - PHÁCH NHẸ

Cường độ của các phách trong mỗi ô nhịp không đều nhau, nên có **Phách mạnh** và **Phách nhẹ**.

Thí dụ :

Nhịp có 2 phách :

Phách 1 → mạnh

Phách 2 → Nhẹ

Nhịp 3 phách :

Phách 1 → Mạnh

Phách 2, 3 → Nhẹ

Nhịp có 4 phách :

Phách 1 → Mạnh

Phách 2 → Nhẹ

phách 3 → khá mạnh

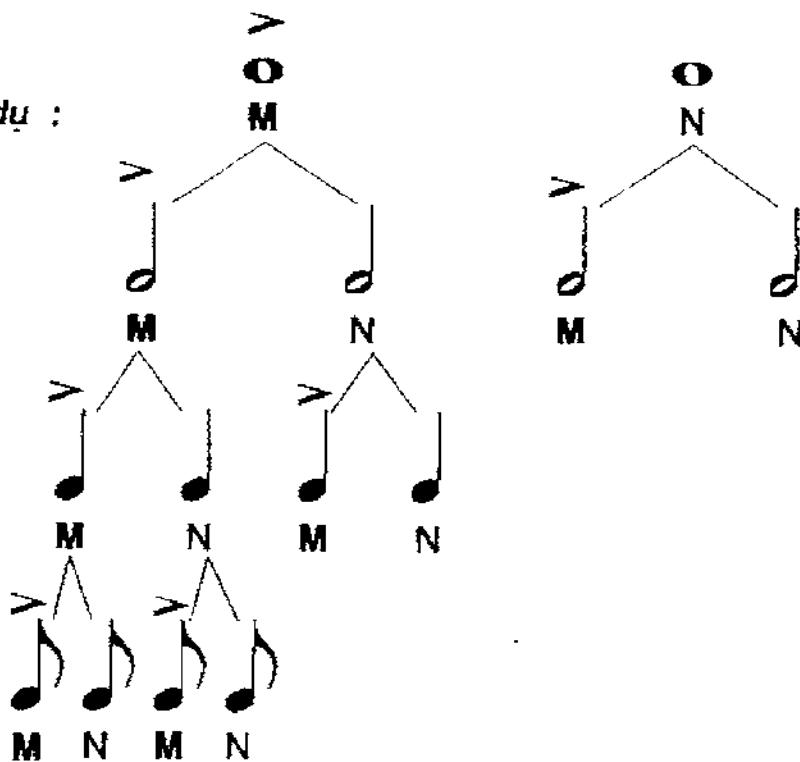
phách 4 → nhẹ

Ghi chú :

Ký hiệu > gọi là dấu **nhấn**, đặt trên hay dưới nốt nào, thì nốt đó được **nhấn mạnh** (Phách mạnh, Trọng âm, Nốt quan trọng)

Thí dụ :

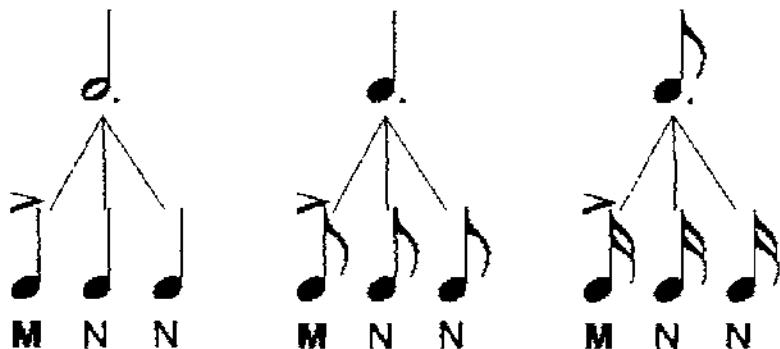
Phách mạnh hay phách nhẹ không dành riêng cho một hình nốt nào cả. Theo nguyên tắc, khi một hình nốt chia 2 thì phần chia thứ 1 ở trạng thái **mạnh**, phần chia thứ 2 ở trạng thái **nghẹ**.

Thí dụ :

Theo hình vẽ trên, ta nhận thấy bất cứ hình nốt nào cũng đều có thể là Phách mạnh hoặc Phách nhẹ và chỉ căn cứ trên **vị trí tương quan** của chúng mà có sự phân biệt mạnh hay nhẹ.

Ghi chú :

- * Các trường hợp hình nốt chia 3, thì phách 1 mạnh, phách 2 và 3 nhẹ.



- * Phách đầu tiên sau vạch nhịp là phách mạnh nhất và giữ vị trí quan trọng nhất.

Quan trọng

2. Nhịp lẩy đà.

Nhịp lẩy đà là tên gọi của ô nhịp đầu tiên (của 1 số bản nhạc) không có đủ số phách theo qui định của số chỉ nhịp.

Trong ô nhịp lẩy đà không có phách mạnh

Thí dụ : **QUI SAIT**

Bắt đầu ghi hợp âm và đệm từ đây



Ghi chú :

Ở nhịp lẩy đà không có ghi hợp âm. Phần đệm đàn sẽ chính thức bắt đầu từ phách mạnh đầu tiên sau ô nhịp lẩy đà.



ĐẢO PHÁCH & NGHỊCH PHÁCH

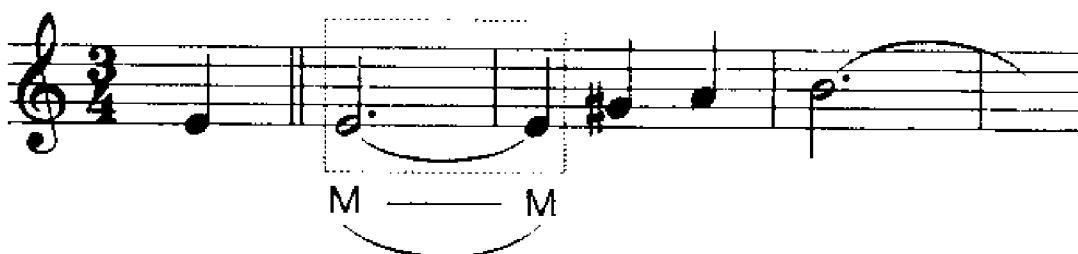
1. ĐẢO PHÁCH :

Cảm giác rất bình thường khi nghe 1 âm thanh từ phách mạnh ngắn dài sang 1 phách khác (mạnh hoặc nhẹ). Nhưng khi 1 âm thanh thuộc về **Phách nhẹ** lại được ngân dài qua **Phách mạnh**, tai nghe sẽ phát hiện sự bất thường đó.

Sự bất thường đó là **Đảo phách**, còn gọi là nhịp chòi.

BÌNH THƯỜNG

Thí dụ 1 : Phách mạnh ngắn sang phách mạnh :



Thí dụ 2 : Phách mạnh ngắn sang phách nhẹ



ĐẢO PHÁCH

Thí dụ 1 : Từ phách nhẹ ngắn sang phách mạnh



Thí dụ 2 : Từ phần nhẹ của phách trước ngắn dài sang phần mạnh của phách sau.



Trong diễn xuất, Đảo phách có nhiều hình thức tương quan khác nhau :

Tương quan : 1 - 1 (còn gọi là đảo phách cân)



Tương quan : 2 - 1 (đảo phách lệch)



Tương quan : 1 - 2 (đảo phách lệch ngược)



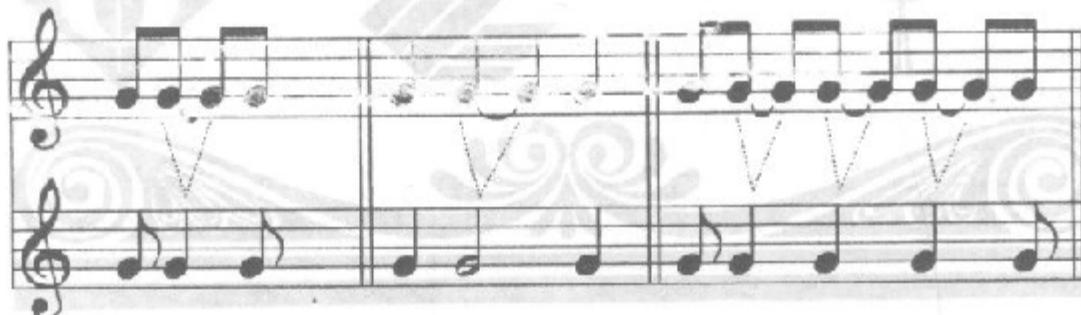
Ngoài ra còn có những đảo phách có hình thức tương quan khác như : 3-1, 1-3



CÁCH VIẾT KHÁC CỦA ĐẢO PHÁCH

Ở một số trường hợp và trong cùng 1 ô nhịp, ta có thể viết Đảo phách theo 1 hình thức khác như sau :

Thay 2 nốt nhạc trong dấu nối bằng 1 hình nốt khác có trường độ tương đương :



2. NGHỊCH PHÁCH :

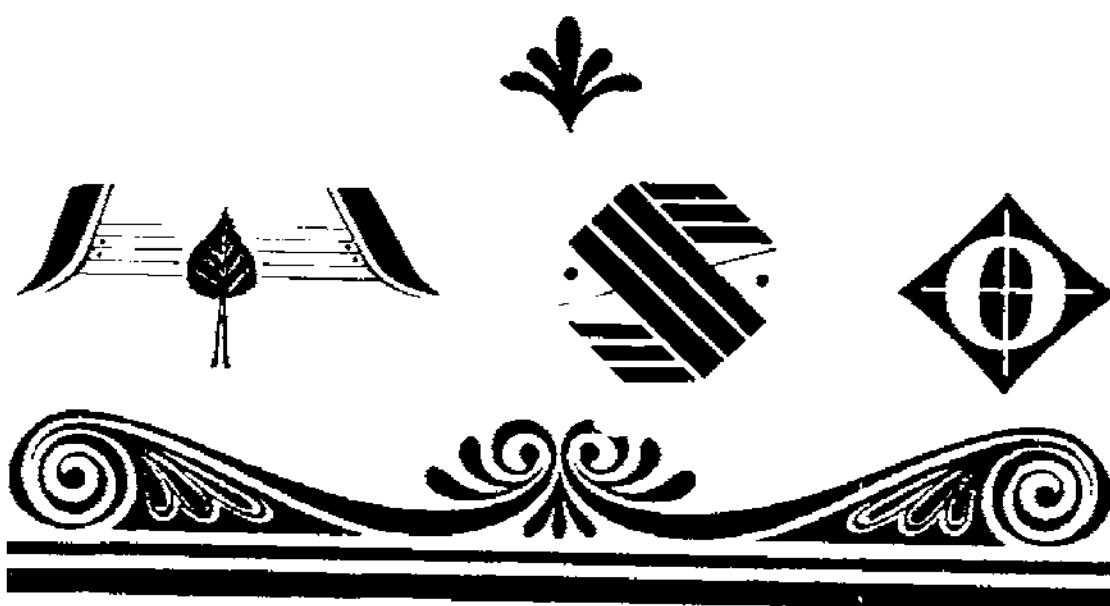
Khi thay thế phách mạnh hoặc phần mạnh bằng **Dấu Lặng**, ta có **Nghịch phách**.

Nghịch phách có hiệu quả như đảo phách.

Thí dụ :



Âm nhạc hiện nay vẫn luôn tìm tòi và phát triển những hình thức Đảo phách mới. Đảo phách gây ấn tượng và cảm giác tươi vui, khỏe khoắn, nhí nhảnh, tung bừng, nhộn nhịp phù hợp với giới trẻ năng động trong cuộc sống hiện đại.



BÀI TẬP THỰC HÀNH

A. ĐẢO PHÁCH

Dùng viết chì khoanh tròn các nhóm nốt có đảo phách trong các bài tập dưới đây :

Thí dụ

Ghi chú : Nhóm nốt có đảo phách được tính từ nốt bắt đầu thực hiện đảo phách cho đến nốt kết thúc đảo phách (không hạn chế số lượng các nốt tham gia đảo phách)

1. Dùng viết chì khoanh tròn 6 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

2. Dùng viết chì khoanh tròn 6 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

3. Dùng viết chì khoanh tròn 8 nhóm nốt đảo phách trong bài tập dưới đây :

G. Carulli

Moderato $J=80$



B. NGHỊCH PHÁCH

Gọi là nghịch phách, khi phách mạnh hoặc phần mạnh của phách được thay thế bằng dấu lặng.

Thí dụ :

- * Dấu lặng thay thế phách mạnh

Happy new year (trích)



- * Dấu lặng thay thế phần mạnh của phách



Chú ý : Không gọi là nghịch phách, khi dấu lặng thay thế cho phách nhẹ hoặc phần nhẹ của phách nhẹ.

1. Dùng viết chì khoanh tròn nhóm nốt có nghịch phách trong bài tập dưới đây :

Andante $J=84$

F. SOR

FINE

mf

p

dimin., o rallent.

diminuendo

p

dimin., o rallent.

p

NHẠC LÝ CĂN BẢN THỰC HÀNH

*

* * *

Phần Tổng Kết

PHÂN TÍCH VÀ NHẬN XÉT MỘT SỐ TÁC PHẨM

- * QUỐC CA
- * CHUYẾN ĐÒ QUÊ KHƯƠNG
- * ƠI CUỘC SỐNG MẾN THƯƠNG



**PHÂN TÍCH & NHẬN XÉT
MỘT SỐ TÁC PHẨM**

QUỐC CA

Nhạc và lời : VĂN CAO

Nhip vừa phải



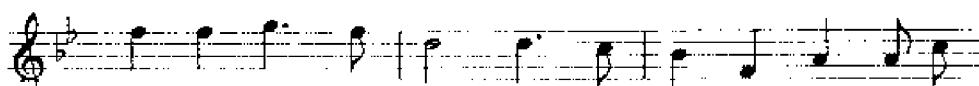
Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc. Bước chân
Đoàn quân Việt Nam đi sao vàng phấp phới. Đất giồng



dẫn vang trên đường gập ghềnh xa. Cờ lờ máu chiến thắng mang hồn
nơi quê hương qua nơi lầm than. Cùng chung sức phấn đấu xây đời



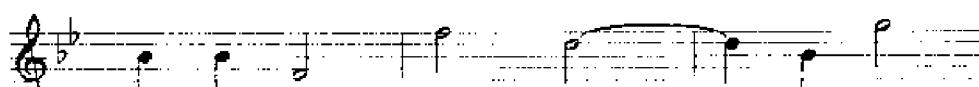
nước. Súng ngoài xa chen khúc quân hành ca. Đường vinh
mới. Đừng đều lên gông xích ta đậm tan. Từ bao



quang xây xác quân thù thắng gian lao cùng nhau lập chiến
lâu ta nuốt cẩm hồn quyết hy sinh chờ ta tươi thắm



khu. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau
hơn. Vì nhân dân chiến đấu không ngừng. Tiến mau



ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến
ra sa trường. Tiến lên! Cùng tiến



lên! Nước non Việt Nam ta vững bền. 2. Đoàn quân Việt...
lên! Nước non Việt Nam ta vững... bền.

1. HÓA BIỂU :

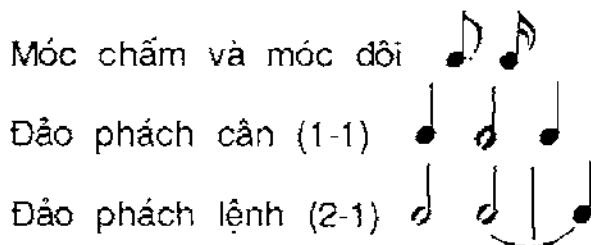
- * Bài có sử dụng 2 dấu hóa theo khóa (Si^b và Mi^b)
- * Thuộc âm thể Si giáng trưởng (B^b)

2. NHỊP :

- * Nhịp $\frac{4}{4}$, viết tắt là C
- * Mỗi ô nhịp có 4 phách, mỗi phách là 1 nốt đen (●).
Ô nhịp đầu tiên không đủ 4 phách nên gọi là Nhịp lẩy đà.

3. TIẾT TẤU

- * Ngoài các tiết tấu thông thường, trong bài có sử dụng các tiết tấu đặc biệt như :



4. CÁC KÝ HIỆU KHÁC :

- Dấu tái đoạn ||: :||
 - Dấu lặng đen (♩) và lặng móc chấm (♩)
 - Dấu nối
-

CHUYẾN ĐÒ QUÊ HƯƠNG

Nhạc và lời : VY NHẬT TẢO

The musical score consists of ten staves of music in G clef, common time, with a key signature of one flat. The lyrics are integrated into the musical lines.

Lyrics (in Vietnamese):

- Staff 1: Anh còn nhớ con đò xưa nhớ dòng sông mênh mông thuở ấy mùi
Anh còn nhớ mái đình xưa ngọt trường xưa ê a giọng hát gọi
- Staff 2: hương cây trái chín trong vườn. Anh còn nhớ lũy tre láng hàng
ve bát bướm những trưa hè. Chim dù cánh chim xa dần chiều
- Staff 3: đưa nghênh mảnh đồng đưa. Đường vào nhà em vắng tia nắng thưa
nào anh chèt sang..
- Staff 4: Anh còn sông về nai phố đồng lòng em ngẩn ngơ ngẩn nỗi nhớ.
- Staff 5: Nỗi nhớ mông cùng anh tay trong tay. Ghé bến sông
xưa gọi chung con đò Chuyển đò quê hương sẽ đưa ta
- Staff 6: vào những khu vườn xinh Chuyển đò quê hương sẽ đưa ta
- Staff 7: về chốn yên bình. Chuyển đò quê
- Staff 8: hương sẽ đưa ta về với cội nguồn xưa. Chuyển đò quê
hương sẽ đưa ta vào những khu vườn xinh. Chuyển đò quê FADE OUT.
- Staff 9: hương vẫn neo trong tim suốt cuộc đời.
hương sẽ đưa ta về chốn yên bình. Chuyển đò quê...

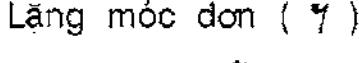
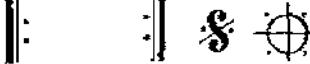
1. HÓA BIỂU :

- * Bài sử dụng 1 dấu hóa theo khóa (Dấu Si giáng)
- * Thuộc âm thể Rê thứ (Dm)

2. NHỊP :

- * Nhịp $\frac{2}{2}$, viết tắt $\textcircled{2}$
- * Mỗi ô nhịp có 2 phách, mỗi phách là 1 nốt trắng (
- * Ô nhịp đầu tiên thiếu 2 phách nên gọi là nhịp lấy đà.

3. CÁC KÝ HIỆU KHÁC :

- * Dấu Luyến (Legato) : 
- * Dấu Nối : 
- * Các dấu Lặng : Lặng đen ()
Lặng móc đơn ()
- * Sử dụng hết các dấu Hồi tấu ||: :|| 
- * Liên 3 móc đơn : 
- * Fade out : Lập lại nhiều lần,
nhỏ dần và tắt hẳn.

ƠI CUỘC SỐNG MẾN THƯƠNG

Nhạc và lời : NGUYỄN NGỌC THIỆN

Vui tươi, nhí nhảnh

Có chú chim non non
nhỏ Cất tiếng líu
ló như muốn ngủ Buổi sáng quanh ta
như xao
động. như bầu trời xanh ướm ước mơ. Nay
chú chim ơi cho nhấn gáy Lời hát tin yêu
trong trái tim mọi người Cuộc sống hôm nay tuy vất
vả Nhưng cuộc đời ơi ! ta mến thương.
Ta đã nghe trong tiếng cười đường tương lai
đang rực rỡ. Ta đã nghe trong tim
mình lời yêu thương của con người.

1. HÓA BIỂU :

- * Bài sử dụng 1 dấu hóa theo khóa (Fa thăng)
- * Thuộc âm thể Sol Trường (G)

2. NHỊP :

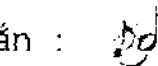
- * Nhịp $\frac{2}{4}$
- * Mỗi ô nhịp có 2 phách, mỗi phách là nốt đen

3. TIẾT TẤU :

- * Đảo phách :



- * Dấu Láy ngắn :



- * Dấu Nối :



NHẠC LÝ CĂN BẢN THỰC HÀNH

*

* * *

Phần Phụ Lục

- * CÁCH ĐÁNH NHỊP
- * KÝ HIỆU VÀ DANH TỪ THƯỜNG GẶP
- * MỘT SỐ DANH TỪ ÂM NHẠC
- * DANH TỪ ÂM NHẠC & Ý NGHĨA TƯƠNG ĐƯƠNG
- * TỐC ĐỘ - CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ
- * KÝ HIỆU DIỄN TẤU
- * DẤU NHẠC GHI TẮT



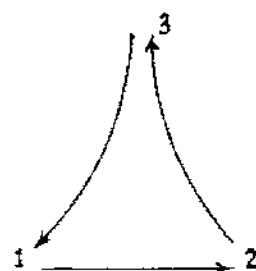
CÁCH ĐÁNH NHỊP.

A. TAY PHẢI :

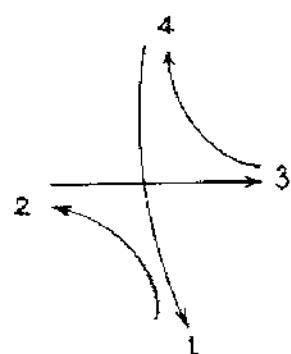
NHỊP 2 PHÁCH



NHỊP 3 PHÁCH

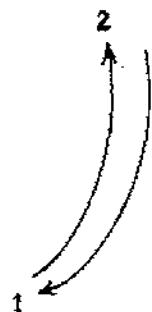


NHỊP 4 PHÁCH

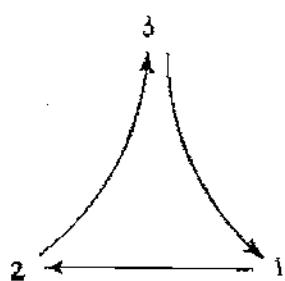


B. TAY TRÁI :

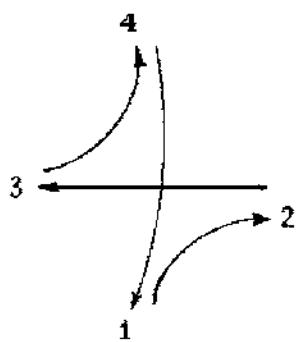
NHỊP 2 PHÁCH



NHỊP 3 PHÁCH



NHỊP 4 PHÁCH



KÝ HIỆU VÀ DANH TỪ THƯỜNG GẶP

Ký hiệu	Ý nghĩa	Ký hiệu	Ý nghĩa
	Nốt Tròn	#	Dấu Thăng
	Nốt Trăng	# X	Dấu Thăng kép
	Nốt Đen	b	Dấu Giáng
	Nốt Móc Đơn	bb	Dấu Giáng kép
	Nốt Móc Đôi	h	Dấu Bình
	Nốt Móc Ba	C	Nhip 4/4
	Nốt Móc Tư	C	Nhip 2/2
	Lặng Tròn, Lặng 1 ô nhịp	:	Dấu Tái đoạn
	Lặng Trăng	&	Dấu Hoàn
	Lặng Đen	Φ	Dấu Coda
	Lặng Móc	♪	Khóa Sol
	Lặng Móc dài	♩	Khóa Fa
	Lặng Móc ba	— / —	Mạnh dần
	Lặng Móc tư	— / — / —	Nhẹ, yếu dần
	Chấm Ngân tự do	△ / △ / △	Mạnh rồi nhẹ dần
	Chấm Ngừng tự do	D.C	Da Capo
		FIN,FINE	Hết

1 ^a	Lần thứ nhất	Speed	Nhịp độ, tốc độ
2 ^a	Lần thứ hai	Tempo	Nhịp độ, tốc độ
8 ^a	Quang tâm	Min	Tối thiểu
D.C	Trở lại từ dấu	Max	Tối đa
D.S	Dàn lại từ dấu	Slow	Chậm
P	Êm nhẹ, khẽ	Fast	Nhanh
PP	Rất êm, khẽ	Balance	Cân bằng
<i>mP</i>	Nhẹ, êm vừa	Memory	Bộ nhớ
f	Mạnh	Start	Khởi động
ff	Rất mạnh	Synchro	Cùng khởi động
<i>mf</i>	Mạnh vừa	Echo	Tiếng vọng dội
<i>p</i> f	Hơi mạnh	Sustain	Tiếng ngân vang
Cresc.	Mạnh dần	Vibrato	Tiếng rung mềm
Decresc.	Nhẹ dần	Trémolo	Rung, vê 1 nốt nhạc
dim	Bớt dần	Reverb	Tiếng vang
Rall	Chậm dần	Duet	Hai bè
Rit	Chậm lại	Rhythm	Tiết tấu
Ad. Lib	Tùy ý, tự do	Syncope	Đảo phách
Fill in	Báo trống	Tacet	Không dàn, hát
Ending	Câu kết	Voice	Âm, tiếng dàn
S/A	Không đệm	Chord	Hợp âm
N.C	Không đệm	Melody	Giai điệu

NHẠC LÝ	Lý thuyết về âm nhạc, các qui luật căn bản để ghi lại hoặc diễn tấu một tác phẩm âm nhạc.
XƯƠNG ÂM	Hát tên nốt trên khuôn nhạc đúng nhịp, đúng cao độ, trường độ và sắc thái.
KÝ ÂM	Các nguyên tắc về cách viết một bản nhạc.
KÝ XƯƠNG ÂM	Môn học giúp cho ta những phương pháp viết và hát 1 bản nhạc.
GIAI ĐIỆU	Các âm thanh lần lượt phát ra, được hệ thống và hoàn chỉnh về hình thức và nội dung.
HỢP ÂM	Các âm thanh cùng phát ra một lượt, có cao độ khác nhau. Các nốt nhạc viết theo chiều đúng.
TIẾT TẤU	Sự nối kết các âm thanh theo 1 thứ tự nhịp nhàng giữa phách mạnh và phách nhẹ, tạo nên 1 chuyển động có sức sống cho âm nhạc.
BẬC	Vị trí của âm trong 1 âm giai.

NHỊP	Sự phân chia bản nhạc ra từng phần (ô nhịp). Mỗi phần, có số lượng phách có trường độ bằng nhau.
PHÁCH	Là một phần trường độ, làm đơn vị thời gian của nhịp.
TRƯỞNG	Cho cảm giác sáng, linh động vui tươi, phấn khởi.
THỨ	Ngược với Trưởng, cảm giác khi nghe Thứ có vẻ ảm đạm, u buồn sâu lắng trữ tình.
TỐC ĐỘ	Mức độ nhanh chậm, của sự diễn tấu một bản nhạc.
DƠN CA	1 người hát.
ĐỘC TẤU	1 người dàn.
HỢP XƯƠNG	Hát nhiều bè, nhiều giọng.
NGHỊCH PHÁCH	Dấu Lặng thế vào chỗ của phách mạnh hay phần mạnh của phách.
ĐẢO PHÁCH	Đảo thứ tự phách mạnh, nhẹ. Khi nghe, có cảm giác phách mạnh thành phách nhẹ, phách nhẹ thành phách mạnh.
SẮC THÁI	Mức độ mạnh, nhẹ, to, nhỏ.

MỘT SỐ DANH TỪ ÂM NHẠC

107

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Abbandono	Bỏ rơi
Abbandonamente	Lơi nhịch
Accarezzevole	Dịu dàng
Affecttuoso	Nồng nhiệt
Agitato	Sôi nổi, xao xuyến
Amabile	Dễ thương (duyên dáng)
Alla	Theo điệu (theo lối)
Allamarcia	Theo điệu hành khúc
Allapolacca	Theo điệu vũ khúc Ba Lan
Amoroso	Tình tứ
Animato	Hào hứng nhộn nhịp
Appassionato	Với sự say mê
Ardente	Nồng nhiệt, đầy nhiệt tình
Brillante	Rực rỡ, huy hoàng
Buffo	Hài hước
Burlesco	Hài hước
Calando	Giảm lực độ và tốc độ
Cantabile	Như hát, du dương
Capriccioso	Biến đổi tính cách bất thường

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Con amore	Tính tứ, với sự say mê tình tứ
Con anima	Với sự hào hứng, với sự sôi nổi
Con bravura	Rực rỡ, chói lợi
Con brio	Với sự hăng hái, nồng nhiệt
Con calore	Với sự hăng hái, nồng nhiệt
Con dolcezza	Mềm mại, dịu dàng
Con dolore	Với sự đau xót
Con espressione	Với sự biểu lộ
Con forza	Với sức mạnh
Con fuoco	Có lửa
Con grazia	Với sự duyên dáng, kiều diễm
Con malinconia	Với nỗi thê lương buồn bã
Con moto	Linh hoạt, linh động
Con passione	Với sự say mê
Con spirito	Với sự hào hứng
Con tenerezza	Với sự dịu dàng, âu yếm
Con vigore	Với sức mạnh, một cách vững chắc
Deciso	Một cách quyết định
Dolce	Mềm mại, dịu dàng
Dolcissimo	Rất mềm mại, rất dịu dàng

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Doloroso	Đau xót, ai oán
Elegante	Kiều diễm, mỹ miều
Elegiaco	Đau xót, ai oán
Energico	Đầy nghị lực
Eroico	Quả cảm
Espressivo	Có ý vị, có sức biểu hiện
Flebile	Ai oán
Feroce	Thô lỗ, dữ dội
Festivo	Vui mừng, hoan hỉ
Fiero	Tự hào, kiêu hanh
Fresco	Tươi, mát
Funebre	Bí ai, buồn thảm
Furioso	Điên dại, dữ dội
Giocoso	Bông đùa, đùa rôm
Gioioso	Vui thú, vui vẻ
Grandioso	Lộng lẫy, huy hoàng
Grazioso	Duyên dáng, yêu kiều
Guerriero	Tinh cánh chiến đấu, thượng võ
Imperioso	Có tính chất mệnh lệnh
Impetuoso	Mạnh liệt, vũ bão

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Lagrimoso	Thanh vân
Languido	Uể oải, lờ đờ
Lamentabile	Ai oán
Leggiere	Nhẹ nhàng
Leggierissimo	Rất nhẹ nhàng
Lugubre	Thê lương, buồn bã
Lusingando	Quyến rũ, cám dỗ
Maestoso	Trang nghiêm, hùng vĩ
Malinconico	Buồn bã, thê lương
Marcato	Nhấn mạnh, dồn mạnh
Marciale	Có hình tượng di đều bước
Marziale	Tính cách chiến đấu
Mesto	Buồn bã
Misterioso	Huyền bí
Morendo	Tắt dần
Parlando	Như nói
Pastorale	Mục đồng ca, thôn ca
Patetico	Thiết tha, nhiệt thành
Pesante	Nặng nề, chậm chạp
Piangendo	Thiếu não

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
Quietto	Bình tĩnh
Recitando	Như kể
Religioroso	Tín ngưỡng
Rigoroso	Nghiêm khắc, khắt khe
Rustico	Trong tính cách nông thôn (mộc mạc giản dị)
Risoluto	Quyết định
Scherzando	Đùa giỡn
Scherzeso	Đùa giỡn
Semplice	Gản dị
Sensibile	Dễ cảm, đa cảm
Serioso	Nghiêm chỉnh
Smorzando	Tắt dần
Soave	Duyên dáng, dịu dàng
Soavemente	Duyên dáng, dịu dàng
Sonore	Ngân vang, kêu vang
Spianato	Với sự hồn nhiên, giản dị
Spirituoso	Dày tình cảm, phẫn khởi
Strepitoso	Ồn ào, dữ dội
Teneramente	Dịu dàng
Tranquillo	Bình tĩnh

PHỤ LỤC

112

A. CHỮ GHI TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

NHỊP ĐỘ CHẬM

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Largo	Chậm rãi, từ tốn, rộng rãi
Larghetto	Nhanh hơn 1 chút
Lento	Chậm chạp
Adagio	Chậm, thong thả
Grave	Chậm, nặng nề

NHỊP ĐỘ TRUNG BÌNH

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Andante	Từ tốn, không vội vã
Andantino	Nhanh hơn một chút
Moderato	Trung bình, vừa phải
Sostenuto	Kẽm, hâm lại
Allegretto	Linh hoạt, nhanh vừa

NHỊP ĐỘ NHANH

113

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Allegro	Nhanh, sôi động
Vivo	Sôi nổi
Vivace	Sôi nổi, sống động
Vivacissimo	Rất sôi nổi, rất sống động
Veloce	Mau, nhanh
Presto	Rất nhanh, rất mau
Prestissimo	Cực nhanh, nhanh tối đa

B. CHỮ PHỤ BỔ SUNG CHO TỐC ĐỘ CHUYỂN ĐỘNG

TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Molto	Rất
Assai	Rất, khá
Possibile	Có thể đến 1 mức độ nào đó
Con moto	Linh hoạt
Non troppo	Không quá
Non tanto	Không nhiều lắm
Sempre	Luôn luôn, thường xuyên
Poco	Một ít, một chút, không nhiều
Pochettino	Một ít thôi, hơi 1 ít
Pochissimo	Rất ít

**DANH TỪ ÂM NHẠC VÀ
Ý NGHĨA TƯƠNG ĐƯƠNG**

Pháp (P) Anh (A) Ý (Y)

Dấu luyến	Legato (Ý)
Dấu tách	Staccato (Ý)
Dấu chấm ngắn	Dấu chấm lưu, Point d'orgue (P)
Dấu hồi tấu	Dấu hồi tống, Dấu tái đoạn
Hết	Fin (Pháp) Fine (Ý)
Dấu biến cường	Nuance (P)
Ô nhịp	Trường canh, Mesure (P)
Vạch nhịp	Sổ trường canh
Phách	Thì, Temps (P)
Liên ba	Chùm ba
Liên sáu	Chùm sáu
Đảo phách	Nhịp ch襻i, Đảo nhịp, Syncope (P)
Nghịch phách	Contre-temps (P)
Âm giai	Thang âm trong quãng 8, Gam Gamme (P) Gamma (Ý)
Âm thể	Cung, Ton, Thức, Tonalité
Chủ âm	Âm chủ, Nguyên âm, Tonique

Át âm	Thống âm, Âm át, Dominante
Cảm âm	Âm dẫn lên, Âm cảm, Sensible
Chuyển cung	Chuyển điệu, Modulation (P)
Chuyển dịch	Dịch giọng, Transposition (P)
Nửa cung	Bán cung, Demi-ton (P)
Cung	Nguyên cung, Tón (P), Tone (A)
Nửa cung dị	Nửa cung diatonique
Nửa cung đồng	Nửa cung chromatique
Âm giai trưởng	Gamme Majeur (P) Major (A)
Âm giai thứ	Gamme Mineur (P) Minor (A)
Hợp âm thuận	Hợp âm ba, Accord parfait (P)
H (Đức, Latinh)	Nốt Si, Âm giai Si
Dur (Đức, Latinh)	Trưởng, Xuân. Thí dụ :
	A.dur = La trưởng
	B.dur = Si giáng trưởng
	C.dur = Đô trưởng
	D.dur = Rê trưởng
	E.dur = Mi trưởng
	F.dur = Fa trưởng
	G.dur = Sol trưởng
	H.dur = Si trưởng

Moll (Đức, Latinh)

Thứ, Ai. Thí dụ :

- a.moll = La thứ
- b.moll = Si giáng thứ
- c.moll = Đô thứ
- d.moll = Rê thứ
- e.moll = Mi thứ
- f.moll = Fa thứ
- g.moll = Sol thứ
- h.moll = Si thứ

Is (Đức, Latinh)

Ký hiệu thăng (#)

- Ais.dur = La thăng trưởng
- ais.moll = La thăng thứ
- Cis.dur = Đô thăng trưởng
- cis.moll = Đô thăng thứ

Es(Đức, Latinh)

Ký hiệu giáng (b)

- Es.dur = Mi giáng trưởng
- es.moll = Mi giáng thứ
- Fes.dur = Fa giáng thứ
- Ges.dur = Sol giáng trưởng
- As.dur = La giáng trưởng
- as.moll = La giáng thứ

TỐC ĐỘ, CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ

TỐC ĐỘ

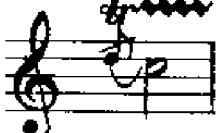
VIẾT TẮT	TIẾNG Ý	Ý NGHĨA	SỐ TỐC ĐỘ
	<i>Grave</i>	<i>Nghiêm trang</i>	♩ = 44
	<i>Largo</i>	<i>Chậm, rỗng rãi</i>	♩ = 48
	<i>Larghetto</i>	<i>Hơi chậm</i>	♩ = 50
	<i>Lento</i>	<i>Chậm</i>	♩ = 52
<i>Ad^{so}</i>	<i>Adagio</i>	<i>Thong thả</i>	♩ = 54
<i>And^{to}</i>	<i>Andante</i>	<i>Thư thái, không vội</i>	♩ = 60
<i>And^o</i>	<i>Andantino</i>	<i>Gắn như thư thái</i>	♩ = 66
<i>Moder^{to}</i>	<i>Moderato</i>	<i>Vừa phải</i>	♩ = 80
<i>Alleg^{to}</i>	<i>Allegretto</i>	<i>Hơi vui</i>	♩ = 100
<i>All^o</i>	<i>Allegro</i>	<i>Vui, hơi nhanh</i>	♩ = 116
	<i>Vivace</i>	<i>Hoạt, nhanh</i>	♩ = 126
	<i>Presto</i>	<i>Nhanh</i>	♩ = 144
	<i>Prestissimo</i>	<i>Rất nhanh</i>	♩ = 188

CHỮ THAY ĐỔI TỐC ĐỘ

VIẾT TẮT	TIẾNG Ý	Ý NGHĨA
Rall	<i>Rallentando</i>	<i>Chậm dần</i>
Rit	<i>Ritardando</i>	<i>Chậm lại</i>
Riten	<i>Ritenuto</i>	<i>Kìm lại</i>
Accel	<i>Accelerando</i>	<i>Thúc nhịp</i>
String	<i>Stringendo</i>	<i>Sết chặt</i>
	<i>A Piacere</i>	<i>Tùy thích</i>
Ad. lib.	<i>Ad Libitum</i>	<i>Tùy ý, tự do</i>
	<i>Poco a poco</i>	<i>Dần dần</i>
	<i>Meno presto</i>	<i>Bất nhanh</i>
	<i>Più mosso</i>	<i>Nhanh hơn</i>
T° pr.	<i>Tempo primo</i>	<i>Quay lại tốc độ đầu</i>
A. t.	<i>A Tempo</i>	<i>Trở lại tốc độ cũ</i>
	<i>Tempo di Marcia</i>	<i>Nhịp hành khúc, nhịp đi</i>

KÝ HIỆU DIỄN TẤU

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
	Láy chùm
	Láy đầu ngắn
	Láy đầu dài
	Láy đầu kép
	Láy đuôi

KÝ HIỆU	Ý NGHĨA THỰC HIỆN
	<i>Lấy rền</i> 
	<i>Lấy rền có lèo</i> 
	<i>Lấy vỗ lên</i> 
	<i>Lấy vỗ xuống</i> 
	<i>Lấy vỗ dài</i> 

DẤU NHẠC VIẾT TẮT

Viet tài

Nghĩa là

Viết tắt

Simile hay Segue

Nghĩa là

Viết tắt

Nghĩa là

Viết tắt

Viết tắt

Nghĩa là

Viết tắt

Nghĩa là

Viết tắt

Nghĩa là

Viết tắt

Nghĩa là

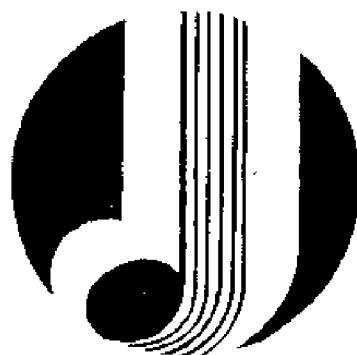
Viết tắt

Nghĩ là

DẤU LÃNG DÀI

Nghỉ 2 ô nhịp Nghỉ 3 ô nhịp Nghỉ 4 ô nhịp Nghỉ 10 ô nhịp

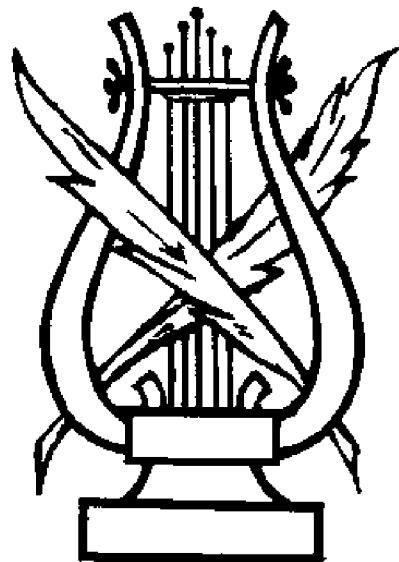
Nghỉ 25 ô nhịp Nghỉ 50 ô nhịp Nghỉ 100 ô nhịp



MỤC LỤC

Khái niệm về âm nhạc	7
Âm thanh	8
Tên nốt nhạc	9
Khuông nhạc và khóa nhạc	10
Hình dáng và giá trị nốt nhạc	12
Cung và nửa cung	14
Vị trí nốt nhạc trên khuông nhạc khóa Sol	16
Nhịp - Phách	26
Số chỉ nhịp	27
Dấu hóa	35
Dấu lặng	41
Dấu nối - Dấu chấm dôi - Dấu chấm ngân	45
Dấu hồi tấu	47
Vị trí nốt nhạc trên khuông nhạc khóa Fa	49
Những nhóm nốt bất thường	54
Âm giai (Gam)	58
Quãng	65
Hợp âm	67
Chữ viết tắt của hợp âm	70
Âm thể	74
Phách mạnh - Phách nhẹ và nhịp lấy dà	81
Đảo phách & nghịch phách	85

Phân tích và nhận xét 1 số tác phẩm	94
Phần phụ lục : cách đánh nhịp	101
Ký hiệu và danh từ thường gặp	103
Một số danh từ âm nhạc	107
Danh từ âm nhạc và ý nghĩa tương đương	114
Tốc độ - Chữ thay đổi tốc độ	117
Ký hiệu diễn tấu	119
Dấu nhạc viết tắt	121
Mục lục	126



Chủ trách nhiệm xuất bản

NHẠC SĨ LƯƠNG ĐỨNG

Biên tập nội dung

NHẠC SĨ VÔ TẤN NGỌC – NHẠC SĨ MINH NHẬT

Biên tập kỹ thuật : **NGUYỄN TƯỜI**

Trình bày bìa : **MAI KIM SƠN**

Sửa bản in : **BÙI ĐĂNG NGỌC TRANG**

In 1 000 cuốn khổ 14 x 20 cm ,tại XN VHP Bến Thành – Quận 1 – TPHCM

Quyết định xuất bản số 38/QĐXB-ÂN ngày 20/03/2006 của Nhà xuất bản Âm nhạc

Căn cứ giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số 11/XB-QLXB ngày 04/01/2006

Của Cục xuất bản . In xong và nộp lưu chiểu tháng 09- 2006.